

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần: Thiết lập và Thẩm định dự án đầu tư

Tên tiếng Anh: Investment Project Formulation and Appraisal

- Mã học phần: **010536** Số tín chỉ: 3 tín chỉ
- Áp dụng cho ngành/chuyên ngành đào tạo: QTKD/QT Dự án
 - + Bậc đào tạo: Đại học (chương trình Đại trà)
 - + Hình thức đào tạo: Chính quy
 - + Yêu cầu của học phần: Bắt buộc

1.2 Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:

- Khoa/ BM phụ trách học phần: Khoa QTKD - Bộ môn quản trị chuyên ngành

1.3 Mô tả học phần:

- Mô tả học phần:

Trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp sinh viên tham gia lập và thẩm định một dự án đầu tư về các khía cạnh như: phân tích thị trường sản phẩm - dịch vụ đầu ra, phân tích các yếu tố đầu vào và tổ chức nhân sự, phân tích hiệu quả tài chính, phân tích hiệu quả kinh tế xã hội của một dự án đầu tư.

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- + Nghe giảng lý thuyết: 25
- + Làm bài tập trên lớp: 10
- + Thảo luận: 10
- + Tự học: 90

1.4 Các điều kiện tham gia học phần:

- Các học phần học trước: Quản trị học; Quản trị tài chính doanh nghiệp.
- Các học phần học song hành:
- Các yêu cầu khác đối với học phần (*nếu có*): Yêu cầu sinh viên có kiến thức căn bản về tài chính, kế toán.

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

2.1 Mục tiêu chung

Học phần “Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư” sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết về thiết lập và thẩm định dự án đầu tư. Qua đó giúp sinh viên thực hiện tốt các công việc nghiên cứu, xây dựng một dự án đầu tư; đồng thời tiến hành phân tích, đánh giá hiệu quả dự án đầu tư đó.

2.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể

Học phần bao gồm 06 chương, mục tiêu đào tạo cụ thể mỗi chương như sau:

Chương 1: Tổng quan về dự án đầu tư

Trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan sau: khái niệm, đặc điểm và phân loại đầu tư; khái niệm, yêu cầu, đặc điểm và phân loại dự án đầu tư; vai trò của dự án đầu tư; chu trình của một dự án đầu tư.

Chương 2: Tổng quan về lập và thẩm định dự án đầu tư

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quan sau: khái niệm, mục tiêu của thẩm định dự án đầu tư; vai trò của thẩm định dự án đầu tư; các phương pháp sử dụng trong thẩm định dự án đầu tư; quy trình và các nội dung tổng quát trong thẩm định dự án đầu tư; tổng quát về việc lập một đề cương dự án đầu tư.

Chương 3: Phân tích thị trường sản phẩm, dịch vụ của dự án đầu tư

Trang bị cho sinh viên các kiến thức: khái niệm, tác dụng và các nội dung của việc phân tích thị trường sản phẩm, dịch vụ của dự án đầu tư. Qua đó, ước tính được các biến số về số lượng sản phẩm, dịch vụ sản xuất và tiêu thụ, đơn giá bán, doanh thu hàng năm của dự án đầu tư, từ đó xác định dòng tiền thu chủ yếu của một dự án đầu tư.

Chương 4: Phân tích kỹ thuật, công nghệ, qui mô, địa điểm đầu tư và tổ chức nhân sự

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức phân tích: lựa chọn địa điểm đầu tư; lựa chọn công suất dự án đầu tư; xác định nhu cầu xây dựng cơ bản các hạng mục công trình; xác định nhu cầu máy móc - thiết bị; xác định nhu cầu nguyên vật liệu; xác định nhu cầu nhân lực; xây dựng cấu trúc tổ chức dự án đầu tư. Qua đó, ước tính được các biến số về chi phí đầu tư, chi phí hoạt động bỏ ra của dự án đầu tư, từ đó xác định dòng tiền chi chủ yếu của một dự án đầu tư.

Chương 5: Thẩm định hiệu quả tài chính của dự án đầu tư

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cốt lõi sau: các chỉ tiêu tiên tiến sử dụng trong thẩm định tài chính dự án đầu tư; các phương pháp xác định suất chiết khấu của một dự án đầu tư; thiết lập dòng ngân lưu tài chính của một dự án đầu tư; đánh giá hiệu quả tài chính cho một dự án đầu tư; phân tích tác động của lạm phát đến ngân lưu dự án; các phương pháp phân tích rủi ro trong dự án đầu tư.

Chương 6: Thẩm định hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cốt lõi sau: các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế xã hội; các phương pháp thẩm định hiệu quả kinh tế xã hội, hiệu quả ngoại tệ thuần và hiệu quả xuất khẩu của một dự án đầu tư.

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu		Chuẩn đầu ra học phần	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
Kiến thức	Ks1	Hiểu các kiến thức tổng quan về đầu tư, dự án đầu tư, lập và thẩm định dự án đầu tư.	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT về mặt “ <i>kiến thức chuyên ngành</i> ” của chuyên ngành QT dự án: K6, K7, K8, K9, K10
	Ks2	Phân tích được các nội dung về thị trường đầu ra của sản phẩm, dịch vụ của một dự án đầu tư.	
	Ks3	Phân tích được các nội dung cơ bản về các yếu tố đầu vào và tổ chức nhân sự của một dự án đầu tư.	
	Ks4	Dự tính được vốn đầu tư, doanh thu, chi phí, lãi lỗ, xây dựng ngân lưu, tính toán các chỉ tiêu hiệu quả tài chính và phân tích rủi ro tài chính của một dự án đầu tư, biết sử dụng phần mềm excel và crystal ball để phân tích tài chính dự án đầu tư.	
	Ks5	Xây dựng được ngân lưu theo quan điểm kinh tế xã hội và phân tích các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế xã hội của một dự án đầu tư.	
Kỹ năng	Ss1	Thu thập, xử lý, phân tích, tổng hợp các thông tin liên quan đến các yếu tố đầu vào và đầu ra của một dự án đầu tư.	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT về mặt “ <i>kỹ năng chuyên môn</i> ” của chuyên ngành QT dự án: S3, S4, S5, S6, S7, S8
	Ss2	Thiết kế và xây dựng dòng ngân lưu theo quan điểm tài chính và theo quan điểm kinh tế xã hội của một dự án đầu tư	
	Ss3	Vận dụng các phương pháp và chỉ tiêu tiên tiến để thẩm định hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế xã hội của một dự án đầu tư	
	Ss4	Sử dụng thành thạo phần mềm excel và Crystal ball phục vụ cho lập và thẩm định dự án đầu tư	

Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	As1	Có ý thức rèn luyện, học tập và nghiên cứu chuyên sâu đối với môn học	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT về mặt “ <i>năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm</i> ” của chuyên ngành QT dự án: A2,A5,A6,A7
	As2	Có quan điểm phân tích, đánh giá dự án đầu tư một cách toàn diện và đúng đắn	
	As3	Sẵn sàng chịu trách nhiệm khi tham gia vào công việc lập và thẩm định một dự án đầu tư	

3.2 Ma trận liên kết nội dung của học phần với chuẩn đầu ra của học phần

TT	Nội dung	Chuẩn đầu ra môn học		
		Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
1	Chương 1: Tổng quan về dự án đầu tư 1.1 Đầu tư 1.2 Dự án đầu tư	Ks1	-	As1
2	Chương 2: Tổng quan về lập và thẩm định dự án đầu tư 2.1 Khái niệm thẩm định dự án đầu tư 2.2 Mục tiêu của thẩm định dự án đầu tư 2.3 Vai trò của thẩm định dự án đầu tư 2.4 Phương pháp thẩm định dự án đầu tư 2.5 Quy trình thẩm định dự án đầu tư 2.6 Khái quát về nội dung thẩm định dự án đầu tư 2.7 Giới thiệu đề cương lập dự án đầu tư	Ks1	-	As1
3	Chương 3: Phân tích thị trường sản phẩm, dịch vụ của dự án đầu tư 3.1 Tổng quan về phân tích thị trường sản phẩm, dịch vụ của dự án đầu tư 3.2 Nội dung nghiên cứu thị trường sản phẩm, dịch vụ của dự án đầu tư	Ks1, Ks2	Ss1	As1, As2, As3
4	Chương 4: Phân tích kỹ thuật, công nghệ, qui mô, địa điểm đầu tư và tổ chức nhân sự 4.1 Lựa chọn địa điểm đầu tư 4.2 Lựa chọn công suất dự án đầu tư 4.3 Xác định nhu cầu xây dựng cơ bản các hạng mục công trình 4.4 Xác định nhu cầu máy móc - thiết bị 4.5 Xác định nhu cầu nguyên vật liệu 4.6 Xác định nhu cầu nhân lực	Ks1, Ks3	Ss1	As1, As2, As3

TT	Nội dung	Chuẩn đầu ra môn học		
		Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	4.7 Xây dựng cấu trúc tổ chức dự án đầu tư			
5	<p>Chương 5: Thẩm định hiệu quả tài chính của dự án đầu tư</p> <p>5.1 Các chỉ tiêu chủ yếu phổ biến sử dụng trong thẩm định hiệu quả tài chính dự án đầu tư</p> <p>5.2 Các yếu tố cơ sở để thiết lập và phân tích đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư</p> <p>5.3 Quy trình xây dựng dòng ngân lưu của một dự án đầu tư</p> <p>5.4 Phân tích hiệu quả tài chính dự án đầu tư</p> <p>5.3 Phân tích tác động của lạm phát đến ngân lưu</p> <p>5.4 Phân tích rủi ro trong dự án đầu tư</p>	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4	As1, As2, As3
6	<p>Chương 6: Thẩm định hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư</p> <p>6.1 Các khái niệm và ý nghĩa</p> <p>6.2 Các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế - xã hội</p> <p>6.3 Thẩm định hiệu quả kinh tế - xã hội</p> <p>6.4 Thẩm định hiệu quả ngoại tệ thuần</p> <p>6.5 Thẩm định hiệu quả xuất khẩu</p>	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4	As1, As2, As3

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (BT, TL)	Thực hành tại PM, PX	Tự học, tự nghiên cứu			
Tuần 1: Tuần 1:	Chương 1: Tổng quan về dự án đầu tư Chương 2: Tổng quan	3	1		5	Thuyết giảng Thảo luận	- Đọc Tài liệu 1: Chương 1 - Đọc Tài liệu 2:	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (BT,TL)	Thực hành tại PM, PX	Tự học, tự nghiên cứu			
Tiết 1-4	về lập và thẩm định dự án đầu tư						Chương 1,2	
Tuần 2: Tiết 5-8	Chương 3: Phân tích thị trường sản phẩm, dịch vụ của dự án đầu tư	3	1		10	Thuyết giảng Thảo luận	- Đọc Tài liệu 1: Chương 2 - Đọc Tài liệu 2: Chương 3	
Tuần 3: Tiết 9-12	Chương 4: Phân tích kỹ thuật, công nghệ, qui mô, địa điểm đầu tư và tổ chức nhân sự	3	1		10	Thuyết giảng Thảo luận	- Đọc Tài liệu 1: Chương 3,4 - Đọc Tài liệu 2: Chương 3	
Tuần 4-9: Tiết 13-36	Chương 5: Thẩm định hiệu quả tài chính của dự án đầu tư	12	12		45	Thuyết giảng Thảo luận Thực hành BT tình huống	- Đọc Tài liệu 1: Chương 5,6,7,8 - Đọc Tài liệu 2: Chương 4,5	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (BT,TL)	Thực hành tại PM, PX	Tự học, tự nghiên cứu			
							- Làm bài tập GV giao	
Tuần 10-11: Tiết 37-45	Chương 6: Thẩm định hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư	4	5		20	Thuyết giảng Thảo luận Thực hành BT tình huống	- Đọc Tài liệu 1: Chương 9 - Đọc Tài liệu 2: Chương 6 3:Chương 6,7,8,9,10 - Làm bài tập GV giao	

5. HỌC LIỆU

5.1 Tài liệu chính:

1. Bộ môn Quản trị dự án – tài chính Trường ĐH Kinh tế TP.HCM, *Giáo trình Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (2011)*, NXB Thống kê.
2. Trần Quốc Tuấn (2014), *Giáo trình Thẩm định dự án đầu tư*, Lưu hành nội bộ
3. Vũ Công Tuấn (2014), *Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư*, NXB Thống kê

5.2 Tài liệu tham khảo:

1. Phước Minh Hiệp (2011), *Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư*, NXB lao động xã hội
2. Phạm Xuân Giang (2010), *Lập thẩm định và quản trị dự án đầu tư*, NXB Tài chính

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: 30%

STT	Nội dung đánh giá	Phương pháp đánh giá	Trọng số (nếu có)	Tỷ lệ	Đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần
1	Bài tập nhóm	Mỗi nhóm sẽ được giao một BÀI TẬP LỚN về 1 dự án đầu tư, nhóm 5 sinh viên phối hợp nhau và làm tại nhà, hoàn thành bằng file EXCEL và nộp cho GV	4	40%	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, As1, As2, As3
2	Bài kiểm tra giữa kỳ	Kiểm tra 45 phút, kiến thức bao gồm tất cả các chương học Cấu trúc bài kiểm tra gồm: + Câu hỏi lý thuyết + Bài tập	3	30%	Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ss1, Ss2, Ss3
3	Điểm chuyên cần	Tham dự lớp học, trao đổi, thảo luận ... đóng góp trong lớp	3	30%	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, As1, As2, As3
	Tổng		10	100%	

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: 70%

STT	Nội dung đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ	Đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần	Ghi chú
1	Kiến thức	Đề thi thời gian 60 phút Cấu trúc đề thi:	50%	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5	
2	Kỹ năng	+ 2 đến 3 câu hỏi lý thuyết (tất cả các chương học) + 1 bài tập	50%	Ss1, Ss2, Ss3	
	Tổng		100%		

Ban Giám hiệu
Duyệt

Trưởng khoa
Đã ký
TS. Huỳnh Thị Thu Sương

P. Trưởng bộ môn
Đã ký
TS. Trần Văn Hưng

PHỤ LỤC

(Kèm theo đề cương chi tiết học phần: Thiết lập và Thẩm định dự án đầu tư)

CHI TIẾT PHƯƠNG PHÁP VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC PHẦN

LOẠI HÌNH ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CHUẨN ĐẦU RA ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
ĐIỂM QUÁ TRÌNH: (Tỷ trọng 30% học phần, gồm Bài tập nhóm, Bài kiểm tra giữa kỳ & điểm chuyên cần)			
1/ Bài tập NHÓM (tỷ trọng trong học phần 40%) Mỗi nhóm sẽ được giao một BÀI TẬP LỚN về 1 dự án đầu tư, nhóm 5 sinh viên phối hợp nhau và làm tại nhà, hoàn thành bằng file EXCEL và nộp cho GV	Đánh giá sự am hiểu kiến thức nội dung của học phần: + Hiểu và phân tích được các thông số đầu vào, đầu ra của 1 dự án đầu tư + Xây dựng được hệ thống các bảng kế hoạch sxkd, kế hoạch tài chính cho 1 dự án đầu tư + Xây dựng được các dòng tiền và sử dụng được các chỉ tiêu tiên tiến thẩm định HQTC, HQKTXH cho dự án đầu tư + Phân tích được rủi ro, lạm phát cho 1 dự án đầu tư bằng phần mềm EXCEL & CRYSTAL BALL	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5	50%
	Đánh giá các kỹ năng: + Kỹ năng xử lý, phân tích, tổng hợp các thông số đầu vào và đầu ra của một dự án đầu tư. + Kỹ năng thiết kế và xây dựng dòng ngân lưu theo quan điểm tài chính và theo quan điểm kinh tế xã hội của một dự án đầu tư + Kỹ năng vận dụng các phương pháp và chỉ tiêu tiên tiến để thẩm định hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế xã hội của một dự án đầu tư + Kỹ năng sử dụng thành thạo phần mềm excel và Crystal ball phục vụ cho lập và thẩm định dự án đầu tư	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4	30%
	Đánh giá năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: + Có ý thức rèn luyện, học tập và nghiên cứu chuyên sâu đối với môn học thông qua làm việc nhóm xử lý BÀI TẬP LỚN	As1, As2, As3	20%

	<ul style="list-style-type: none"> + Có quan điểm phân tích, đánh giá dự án đầu tư một cách toàn diện và đúng đắn + Các thành viên nhóm chịu trách nhiệm khi tham gia vào công việc giải quyết 1 BÀI TẬP LỚN 		
2/ Bài KIỂM TRA GIỮA KỲ (tỷ trọng trong học phần 30%) Kiểm tra 45 phút, kiến thức bao gồm tất cả các chương học Cấu trúc bài kiểm tra gồm: + Câu hỏi lý thuyết + Bài tập	Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của SV: <ul style="list-style-type: none"> + Hiểu biết về lý thuyết, phương pháp, quy trình thiết lập và thẩm định HQTC, HQKTXH của một dự án đầu tư + Vận dụng được lý thuyết, phương pháp giải quyết được bài toán căn bản về xây dựng dòng tiền và thẩm định HQTC, HQKTXH của một dự án đầu tư 	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5	70%
	Đánh giá các kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ năng xử lý, phân tích, tổng hợp các thông số đầu vào và đầu ra của một dự án đầu tư. + Kỹ năng thiết kế và xây dựng dòng ngân lưu theo quan điểm tài chính và theo quan điểm kinh tế xã hội của một dự án đầu tư + Kỹ năng vận dụng các phương pháp và chỉ tiêu tiên tiến để thẩm định hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế xã hội của một dự án đầu tư 	Ss1, Ss2, Ss3	30%
3/ Điểm CHUYÊN CẦN (tỷ trọng trong học phần 30%) Tham dự lớp học, trao đổi, thảo luận ... đóng góp trong lớp	Đánh giá sv tham dự lớp (điểm danh)	As1, As2, As3	50%
	Đánh giá sv trao đổi, thảo luận ... đóng góp trong lớp	Ks1,Ks2,Ks3,Ks4,Ks5 As1,As2, As3	50%
ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ (Tỷ trọng 70% học phần)			
BÀI THI TỰ LUẬN (tỷ trọng trong học phần 70%) Đề thi thời gian 60 phút	Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của SV về lý thuyết, phương pháp, quy trình thiết lập và thẩm định HQTC, HQKTXH của một dự án đầu tư	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5	50%
	Đánh giá khả năng, kỹ năng hệ thống hóa, áp dụng kiến thức để giải quyết	Ss1, Ss2, Ss3	50%

Cấu trúc đề thi: + 2 đến 3 câu hỏi lý thuyết (tất cả các chương học) + 1 bài tập	một bài toán về Thiết lập & Thẩm định một dự án đầu tư căn bản		
--	---	--	--

TRƯỞNG KHOA

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

Đã ký

Đã ký

TS. Huỳnh Thị Thu Sương

TS. Trần Văn Hưng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1. Tên học phần: Quản trị mua bán và sáp nhập

Tên tiếng Anh: Mergers and Acquisitions Management

- Mã học phần: 010500 Số tín chỉ: 3 tín chỉ
- Áp dụng cho ngành/chuyên ngành đào tạo: QTKD/QT Dự án
 - + Bậc đào tạo: Đại học (chương trình đại trà)
 - + Hình thức đào tạo: Chính quy
 - + Yêu cầu của học phần: Tự chọn

1.2. Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:

- Khoa phụ trách học phần: Khoa QTKD
- Bộ môn phụ trách học phần: BM Quản trị chuyên ngành

1.3. Mô tả học phần:

- Mô tả học phần:

Học phần Quản trị mua bán và sáp nhập (M&A) là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị dự án. Trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về quản trị mua bán và sáp nhập: các vấn đề cơ bản về mua bán và sáp nhập; các chiến thuật thu tóm cũng như biện pháp phòng thủ chống thu tóm; nghiệp vụ pháp lý; mô hình định giá doanh nghiệp và vấn đề kiểm soát đặc biệt trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp.

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 5 tiết
 - + Thảo luận: 15 tiết
 - + Tự học: 90 tiết

1.4 Các điều kiện tham gia học phần:

- Các học phần học trước: Quản trị học; Luật kinh tế
- Các học phần học song hành:
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Yêu cầu sinh viên có kiến thức căn bản về Tài chính và Luật

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

2.1 Mục tiêu chung

Học phần “Quản trị mua bán và sáp nhập” sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết về hoạt động mua bán và sáp nhập doanh nghiệp. Qua đó giúp sinh viên thực hiện tốt việc phân tích, đánh giá thương vụ M&A cũng như tham gia thực hiện một thương vụ M&A trong thực tiễn.

2.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể

Chương 1: Tổng quan về quản trị mua bán và sáp nhập

Trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản, phân biệt được sự khác nhau giữa mua bán, sáp nhập, hợp nhất, liên doanh; động cơ của các bên liên quan; rủi ro và cạm bẫy trong quá trình mua bán và sáp nhập doanh nghiệp.

Chương 2: Chiến lược thực hiện mua bán và sáp nhập doanh nghiệp

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến chiến lược thực hiện mua bán và sáp nhập, bao gồm các phương thức, quy trình thực hiện mua bán và sáp nhập, các biện pháp phòng thủ chống đầu độc.

Chương 3: Nghiệp vụ pháp lý trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp

Giúp sinh viên hiểu được các vấn đề pháp lý trong mua bán và sáp nhập trên thế giới và Việt Nam, cụ thể là luật chống độc quyền, các hướng dẫn về chống độc quyền ở Hoa Kỳ và hành lang pháp lý trong quản lý hoạt động mua bán và sáp nhập tại Việt Nam.

Chương 4: Định giá trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp

Trang bị những kiến thức về vai trò, các yếu tố ảnh hưởng đến định giá doanh nghiệp, một số phương pháp định giá điển hình trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp.

Chương 5: Kiểm soát đặc biệt trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp

Giúp sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về kiểm soát đặc biệt, các khâu cần chuẩn bị khi tiến hành kiểm soát đặc biệt và các nội dung kiểm soát đặc biệt trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu		Chuẩn đầu ra học phần	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
Kiến thức	Ks1	Xác định được mối quan hệ giữa mua bán và sáp nhập, những vấn đề được và mất trong M&A	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT về mặt “ <i>kiến thức chuyên ngành</i> ” của chuyên ngành QT dự án: K6, K7, K8, K9
	Ks2	Đánh giá các chiến lược đầu độc và các chiến thuật phòng thủ chống đầu độc trong M&A	

	Ks3	Xây dựng, triển khai quy trình thực hiện thương vụ M&A	
	Ks4	Giải thích được các quy định pháp luật về hoạt động M&A	
	Ks5	Phân tích các kỹ thuật định giá doanh nghiệp trong M&A	
	Ks6	Xác định các khâu cần chuẩn bị và các nội dung kiểm soát đặc biệt trong M&A	
Kỹ năng	Ss1	Lựa chọn chiến lược thu tóm hay phòng thủ phù hợp khi tham gia thương vụ M&A	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT về mặt “ <i>kỹ năng chuyên môn</i> ” của chuyên ngành QT dự án: S4, S5, S6, S7
	Ss2	Xây dựng quy trình M&A nhằm đảm bảo tính hiệu quả cao trong thương vụ M&A	
	Ss3	Thực hành định giá giá trị doanh nghiệp trong một thương vụ M&A	
	Ss4	Thu thập, phân tích thông tin và đánh giá tiềm năng một thương vụ M&A	
	Ss5	Phân tích, đánh giá thực tiễn hoạt động M&A trên thế giới và tại Việt Nam	
Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	As1	Có ý thức rèn luyện, học tập và nghiên cứu chuyên sâu đối với môn học	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT về mặt “ <i>năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm</i> ” của chuyên ngành QT dự án: A3, A4, A5, A6, A7
	As2	Tuân thủ các quy định pháp luật về M&A khi thực hiện một thương vụ M&A	
	As3	Có ý thức đạo đức cao trong hoạt động M&A	

3.2 Ma trận liên kết nội dung của học phần với chuẩn đầu ra của học phần

TT	Nội dung	Chuẩn đầu ra môn học		
		Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
1	Chương 1: Tổng quan về quản trị mua bán và sáp nhập (M&A) 1.1 Khái niệm về M&A 1.2 Các hình thức M&A 1.3 Vai trò của hoạt động M&A 1.4 Phân loại M&A 1.5 Động cơ thực hiện M&A 1.6 Rủi ro và những cạm bẫy trong M&A	Ks1	Ss4	As1
2	Chương 2: Chiến lược thực hiện mua bán và sáp nhập doanh nghiệp 2.1 Các phương thức thực hiện M&A 2.2 Các chiến thuật phòng thủ 2.3 Quy trình thực hiện thương vụ M&A	Ks1 Ks2 Ks3	Ss1 Ss2 Ss4 Ss5	As1 As3

TT	Nội dung	Chuẩn đầu ra môn học		
		Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
3	Chương 3: Nghiệp vụ pháp lý trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp 3.1 Pháp lý về M&A tại Hoa Kỳ 3.2 Quản lý nhà nước đối với hoạt động M&A tại Việt Nam 3.3 Các vấn đề về thuế trong M&A	Ks4	Ss4 Ss5	As1 As2 As3
4	Chương 4: Định giá trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp 4.1 Vai trò của định giá 4.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến định giá trong M&A 4.3 Các phương pháp định giá doanh nghiệp	Ks5	Ss3 Ss4 Ss5	As1 As2 As3
5	Chương 5: Kiểm soát đặc biệt trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp 5.1 Khái niệm kiểm soát đặc biệt 5.2 Các khâu chuẩn bị trong kiểm soát đặc biệt 5.3 Nội dung kiểm soát đặc biệt	Ks6	Ss2 Ss4 Ss5	As1 As3

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Tuần 1: Tiết 1-4	Chương 1: Tổng quan về quản trị mua bán và sáp nhập 1.1 Khái niệm về M&A 1.2 Các hình thức M&A 1.3 Vai trò của hoạt động M&A 1.4 Phân loại M&A 1.5 Động cơ thực hiện M&A	3	1		10	Thuyết giảng Thảo luận	Đọc Bài giảng: Chương 1 Đọc TLTK [1] : Chủ đề 1	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	1.6 Rủi ro và những cạm bẫy trong M&A							
Tuần 2-5: Tiết 5-20	Chương 2: Chiến lược thực hiện mua bán và sáp nhập doanh nghiệp 2.1 Các phương thức thực hiện M&A 2.2 Các chiến thuật phòng thủ 2.3 Quy trình thực hiện thương vụ M&A	8	8		30	Thuyết giảng Thảo luận Thuyết trình	Đọc Bài giảng: Chương 2 Đọc TLTK [1] : Chủ đề 2, 6, 7 Thực hiện bài tập nhóm	
Tuần 6-7: Tiết 21-28	Chương 3: Nghiệp vụ pháp lý trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp 3.1 Pháp lý về M&A tại Hoa Kỳ 3.2 Quản lý nhà nước đối với hoạt động M&A tại Việt Nam 3.3 Các vấn đề về thuế trong M&A	4	4		15	Thuyết giảng Thảo luận Thuyết trình	Đọc Bài giảng: Chương 3 Thực hiện bài tập nhóm	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Tuần 8-10: Tiết 29-40	Chương 4: Định giá trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp 4.1 Vai trò của định giá 4.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến định giá trong M&A 4.3 Các phương pháp định giá doanh nghiệp	7	5		25	Thuyết giảng Thực hành bài tập	Đọc Bài giảng: Chương 4 Đọc TLTK [1]: Chủ đề 5, 9 Làm bài tập GV giao	
Tuần 11: Tiết 41-45	Chương 5: Kiểm soát đặc biệt trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp 5.1 Khái niệm kiểm soát đặc biệt 5.2 Các khâu chuẩn bị trong kiểm soát đặc biệt 5.3 Nội dung kiểm soát đặc biệt	3	2		10	Thuyết giảng Thảo luận	Đọc Bài giảng: Chương 5	

5. HỌC LIỆU

5.1 Tài liệu chính:

Bài giảng Quản trị mua bán và sáp nhập, Khoa QTKD – Trường ĐH Tài chính Marketing, Lưu hành nội bộ

5.2 Tài liệu tham khảo:

1. Scott Moeller & Chris Brady (2009), *M&A, Mua lại và sáp nhập thông minh*, NXB Tri Thức.

2. Andrew J.Sherman & Milledge A.Hart (2006), *Mergers and Acquisitions from A to Z*, 2nd Ed., American Management Association

3. Phạm Quốc Việt, *Mua bán và sáp nhập*, Trường ĐH Tài chính – Marketing, Lưu hành nội bộ

4. Luật doanh nghiệp 2004, 2014; Luật cạnh tranh 2004, 2018; Luật đầu tư 2005, 2014

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: 30%

STT	Nội dung đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ	Đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần
1	Điểm chuyên cần	Điểm danh; tham gia trao đổi, đóng góp trong lớp học	20%	As1, As2, As3
2	Bài tập nhóm	Thảo luận nhóm và thuyết trình các chuyên đề	40%	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6, Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, Ss5, As1
3	Bài kiểm tra giữa kỳ	Bài kiểm tra cá nhân	40%	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ks6, Ss4, Ss5
	Tổng		100%	

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: 70%

STT	Nội dung đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ	Đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần	Ghi chú
1	Kiến thức	Thi tự luận, tái hiện kiến thức và nâng cao kiến thức	50%	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks6	
2	Kỹ năng	Bài tập thực hành/ Bài tập tình huống	30%	Ks2, Ks5, Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, Ss5, As2	
3	Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	Các câu hỏi vận dụng	20%	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, As1, As2, As3	
	Tổng		100%		

**Ban Giám hiệu
Duyệt**

**Trưởng khoa
Đã ký
TS. Huỳnh Thị Thu Sương**

**P. Trưởng bộ môn
Đã ký
TS. Trần Văn Hưng**

PHỤ LỤC

(Kèm theo đề cương chi tiết học phần: Quản trị mua bán và sáp nhập)

CHI TIẾT PHƯƠNG PHÁP VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC PHẦN

LOẠI HÌNH ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CHUẨN ĐÀU RA ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
ĐIỂM QUÁ TRÌNH: (Tỷ trọng 30% học phần, gồm Bài tập nhóm, Bài kiểm tra giữa kỳ & điểm chuyên cần)			
1/ Điểm CHUYÊN CẦN (tỷ trọng trong học phần 20%) Tham dự lớp học, thảo luận, đóng góp trong lớp học	Đánh giá SV tham dự lớp (điểm danh)	As1	50%
	Đánh giá SV trao đổi, thảo luận ... đóng góp trong lớp học	Ks1, Ks2, Ks3 Ks4, Ks5, Ks6 Ss1, Ss2, Ss5, As1, As2, As3	50%
1/ Bài tập NHÓM (tỷ trọng trong học phần: 40%) Mỗi nhóm sẽ được giao một chủ đề trong phạm vi môn học. Theo thời gian phân bổ, mỗi nhóm sẽ có 20 phút để thuyết trình và 10 phút để trả lời câu hỏi. GV sẽ cho điểm đánh giá chung cả nhóm và điểm mỗi	Đánh giá sự am hiểu nội dung học phần của các nhóm	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4 Ss3, Ss4, Ss5 As2, As3	40%
	Đánh giá kỹ năng thuyết trình trước đám đông, kỹ năng trình bày powerpoint, kỹ năng vận dụng các công cụ hỗ trợ để chuyên tải những nội dung môn học	Ks1, Ks2 Ss1, Ss5 As1, As3	20%
	Đánh giá được khả năng tương tác trực tiếp giữa sinh viên với nhau (kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo, tổ chức công việc), kỹ năng giao tiếp với đám đông và với giảng viên	Ks1, Ks2 Ss1, Ss5 As1, As3	20%

cá nhân. Mỗi nhóm từ 3 - 5 sinh viên phối hợp và làm ở nhà, nộp bài viết bằng file word và thuyết trình bằng powerpoint.	nhằm củng cố kiến thức, tiếp nhận những phát hiện mới		
	Đánh giá kiến thức của sinh viên từ quá trình chuẩn bị, các kỹ năng chuyên môn và tố chất cá nhân được phối hợp	Ks1, Ks2 Ss1, Ss5 As1, As3	20%
2/ Kiểm tra GIỮA KỲ (tỷ trọng trong học phần: 40%) Kiểm tra 60 phút, kiến thức từ chương 1 đến chương 5 Cấu trúc bài kiểm tra gồm: + Lý thuyết: 2 câu + Bài tập: 1 câu	Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên, diễn giải một vấn đề cụ thể đặt ra của các câu hỏi có trong đề thi	Ks1, Ks2 Ks3, Ks4, Ks5, Ks6 Ss1, Ss2, Ss5 As1, As2	50%
	Đánh giá khả năng tư duy hệ thống, lập luận chặt chẽ giải quyết vấn đề thực tế được đưa ra trong đề thi.	Ks1, Ks2 Ks3, Ks4, Ks5, Ks6 Ss1, Ss2, Ss5 As1, As2	40%
	Đánh giá khả năng tích lũy, phản hồi các kiến thức mới vào trong việc giải quyết các vấn đề được đưa ra	Ks1, Ks2 Ks3, Ks4, Ks5, Ks6 Ss1, Ss2, Ss5 As1, As2	10%
ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ (Tỷ trọng 70% học phần)			
BÀI THI TỰ LUẬN (tỷ trọng trong học phần: 70%) Đề thi 60 phút. Cấu trúc đề thi: + 2 đến 3 câu hỏi lý thuyết và vận dụng + 1 bài tập thực hành/bài tập tình huống	Đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức, khả năng hệ thống hóa và áp dụng kiến thức để trình bày, diễn giải một vấn đề	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks6, As1	50%
	Đánh giá kỹ năng sáng tạo, phát hiện vấn đề trong quản trị mua bán và sáp nhập từ lý thuyết đến thực tế thông qua các bài tập thực hành/bài tập tình huống, câu hỏi vận dụng	Ks2, Ks3, Ks5 Ss1, Ss2, Ss3 Ss4, Ss5 As1, As2, As3	50%

TRƯỞNG KHOA

Đã ký
TS. Huỳnh Thị Thu Sương

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

Đã ký
TS. Trần Văn Hưng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1. Tên học phần: QUẢN TRỊ DỰ ÁN NÂNG CAO

Tên tiếng Anh: **Advanced Project Management**

- Mã học phần: Số tín chỉ: 3
- Áp dụng cho ngành/chuyên ngành đào tạo:
 - + Bachelor: Đại học
 - + Hình thức đào tạo: Chính quy
 - + Yêu cầu của học phần: (*Bắt buộc/Tự chọn*) Bắt buộc

1.2. Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Khoa QTKD – BM quản trị chuyên ngành

1.3. Mô tả học phần:

- Mô tả học phần: Học phần Quản trị dự án nâng cao nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của chuyên ngành đào tạo Quản trị dự án. Học phần cung cấp cho sinh viên các lĩnh vực kiến thức khác nhau của quản lý dự án, các khía cạnh khác nhau trong công tác quản lý dự án một dự án, bao gồm: quản lý tích hợp, quản lý phạm vi, quản lý chất lượng, quản lý tiến độ, quản lý giao tiếp, quản lý rủi ro, ... của dự án.

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 25
 - + Làm bài tập trên lớp: 10
 - + Thảo luận: 10
 - + Tự học: 90

1.4 Các điều kiện tham gia học phần:

- Các học phần học trước: (*tối đa 2 môn*): Quản trị học
- Các học phần học song hành: [Tên môn học, mã số môn học] Quản trị dự án
- Các yêu cầu khác đối với học phần (*nếu có*): [Các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ cần có khi tham gia khóa học]
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết:
 - + Làm bài tập trên lớp:
 - + Thảo luận:
 - + Tự học:

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu		Chuẩn đầu ra học phần	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
Kiến thức	Ks1	Nhận biết, diễn giải các kiến thức căn bản về các lĩnh vực quản lý của một dự án	K6, K7, K8, K9
	Ks2	Hiểu và vận dụng được các kỹ thuật khác nhau để quản lý tích hợp, quản lý phạm vi và quản lý tiến độ dự án	
	Ks3	Hiểu và vận dụng được các kỹ thuật khác nhau để quản lý chi phí, quản lý chất lượng và quản lý nhân lực dự án	
	Ks4	Hiểu và vận dụng được các kỹ thuật khác nhau để quản lý giao tiếp, quản lý rủi ro và quản lý mua hàng dự án	
	Ks5	Vận dụng tích hợp các kiến thức đã học để kiểm soát và quản lý các khía cạnh khác nhau của 1 dự án, để có thể trực tiếp thực hiện hoặc đề xuất với người lãnh đạo DA thực hiện	
Kỹ năng	Ss1	Nắm được các kỹ thuật, công cụ để SV có thể Lập Kế hoạch và Quản lý một dự án đầu tư	S3, S4, S5, S6, S7
	Ss2	Nắm được các nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch dự án, tổ chức thực hiện và kiểm soát dự án	
	Ss3	Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp bằng lời nói và thuyết trình	
	Ss4	Có kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, tư duy thực tiễn và các dạng tư duy khác (biện chứng, phân tích, phán đoán) trong quản lý dự án	
Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	As1	Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, làm việc khoa học trong quá trình quản lý dự án	A3, A4, A5, A6, A7
	As2	Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong quản lý dự án;	
	As3	Nâng cao được đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội.	

3.2 Ma trận liên kết nội dung của học phần với chuẩn đầu ra của học phần

TT	Nội dung	Chuẩn đầu ra môn học		
		Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
1	CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU CHUNG	Ks1	Ss1 Ss2	As1 As2
2	CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ TÍCH HỢP DỰ ÁN	Ks1 Ks2 Ks5	Ss1 Ss2 Ss3 Ss4	As1 As2 As3
3	CHƯƠNG 3 QUẢN LÝ PHẠM VI DA	Ks1 Ks2 Ks5	Ss1 Ss2 Ss3 Ss4	As1 As2 As3
4	CHƯƠNG 4 QUẢN LÝ TIẾN ĐỘ DA	Ks1 Ks2 Ks5	Ss1 Ss2 Ss3 Ss4	As1 As2 As3
5	CHƯƠNG 5 QUẢN LÝ CHI PHÍ DA	Ks1 Ks3 Ks5	Ss1 Ss2 Ss3 Ss4	As1 As2 As3
6	CHƯƠNG 6 QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG DA	Ks1 Ks3 Ks5	Ss1 Ss2 Ss3 Ss4	As1 As2 As3
7	CHƯƠNG 7 QUẢN LÝ NHÂN LỰC DỰ ÁN	Ks1 Ks3 Ks5	Ss1 Ss2 Ss3 Ss4	As1 As2 As3
8	CHƯƠNG 8 QUẢN LÝ GIAO TIẾP	Ks1 Ks4 Ks5	Ss1 Ss2 Ss3 Ss4	As1 As2 As3
9	CHƯƠNG 9 QUẢN LÝ RỦI RO DA	Ks1 Ks4 Ks5	Ss1 Ss2 Ss3 Ss4	As1 As2 As3
10	CHƯƠNG 10 QUẢN LÝ MUA HÀNG	Ks1 Ks4 Ks5	Ss1 Ss2 Ss3 Ss4	As1 As2 As3

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP					
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu		
Tuần 1:	CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU CHUNG 1.1 Một số khái niệm 1.2 Môi quan hệ giữa QLDA, QL vận hành và Chiến lược của tổ chức	2	2			- Tài liệu chính: Chương 1	
Tuần 2:	CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ TÍCH HỢP DỰ ÁN 2.1 Phát triển Charter của DA 2.2 Lập KH quản lý DA 2.3 Quản lý công việc DA 2.4 Giám sát và Kiểm soát công việc DA 2.5 Thực hiện kiểm soát tích hợp DA	2	2			- Tài liệu chính: Chương 4	
Tuần 3	CHƯƠNG 3 QUẢN LÝ PHẠM VI DA 3.1 Lập kế hoạch quản lý phạm vi dự án 3.2 Thu thập yêu cầu 3.3 Xác định phạm vi công việc 3.4 Lập WBS của DA 3.5 Giới hạn và Kiểm soát phạm vi công việc DA	2	2			- Tài liệu chính: Chương 5	
Tuần 4	CHƯƠNG 4 QUẢN LÝ TIẾN ĐỘ DA 4.1 Lập KH quản lý tiến độ 4.2 Xác định các hoạt động 4.3 Dự báo nguồn lực và thời gian	2	2			- Tài liệu chính: Chương 6	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP					
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu		
	4.4 Phát triển và Kiểm soát tiến độ						
Tuần 5	CHƯƠNG 5 QUẢN LÝ CHI PHÍ DA 5.1 Lập KH quản lý chi phí 5.2 Ước tính chi phí 5.3 Xác định ngân sách 5.4 Kiểm soát chi phí	2	2			- Tài liệu chính: Chương 7	
Tuần 6	CHƯƠNG 6 QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG DA 6.1 Lập KH quản lý chất lượng 6.2 Thực hiện các cam kết chất lượng 6.3 Kiểm soát chất lượng	2	2			- Tài liệu chính: Chương 8	
Tuần 7	CHƯƠNG 7 QUẢN LÝ NHÂN LỰC DỰ ÁN 7.1 Lập KH quản lý nhân lực DA 7.2 Tuyển dụng Đội DA 7.3 Quản lý nhân lực DA	2	2			- Tài liệu chính: Chương 9	
Tuần 8	CHƯƠNG 8 QUẢN LÝ GIAO TIẾP 8.1 Lập KH quản lý giao tiếp 8.2 Quản lý và Kiểm soát	2	2			- Tài liệu chính: Chương 10	
Tuần 9	CHƯƠNG 9 QUẢN LÝ RỦI RO DA 9.1 Lập KH quản lý rủi ro DA 9.2 Xác định rủi ro DA 9.3 Phân tích rủi ro DA 9.4 Lên KH đối phó và Kiểm soát rủi ro DA	2	2			- Tài liệu chính: Chương 11	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP					
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu		
Tuần 10	CHƯƠNG 10 QUẢN LÝ MUA HÀNG 10.1 Lập KH quản lý mua hàng 10.2 Thực hiện mua hàng 10.3 Kiểm soát mua hàng	2	2			-Tài liệu chính: Chương 12	
Tuần 11	ÔN TẬP	2	3				

5. HỌC LIỆU

5.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

Project Management Institute, *A Guide to the Project Management Body of Knowledge (PMBOK Guide)* – Fifth Edition, 2013

5.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

Nguyễn Văn Đáng, Nguyễn Thị Hải Bình, *Giáo trình Quản trị dự án đầu tư*, 2016

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: 30%

STT	Nội dung đánh giá	PP đánh giá	Tỷ lệ	Đáp ứng CDR học phần
1	Tính chuyên cần	Dự lớp, XD bài học	20%	As1, As2, As3
4	Bài tập nhóm	Đánh giá thuyết trình Đánh giá làm việc nhóm	40%	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, As1, As2, As3
5	Kiểm tra giữa kỳ	Đánh giá kiến thức thông qua bài kiểm tra	40%	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5 Ss1, Ss2, Ss3, Ss4
	TỔNG		100%	

6.1 Đánh giá kết thúc học phần: 70%

STT	Nội dung đánh giá	PP đánh giá	Tỷ lệ	Đáp ứng CDR học phần
1	Kiến thức	Lý thuyết	20%	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5
2	Kỹ năng	Bài tập	50%	Ss1, Ss2, Ss4
3	Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	Câu hỏi vận dụng	30%	As1, As2, As3
	TỔNG		100%	

**Ban Giám hiệu
Duyệt**

**Trưởng khoa
Đã ký
TS. Huỳnh Thị Thu Sương**

**P. Trưởng bộ môn
Đã ký
TS. Trần Văn Hưng**

PHỤ LỤC

(Kèm theo đề cương chi tiết học phần: Quản Trị Dự Án Nâng Cao)

CHI TIẾT PHƯƠNG PHÁP VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC PHẦN

LOẠI HÌNH ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CHUẨN ĐÀU RA ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
ĐIỂM QUÁ TRÌNH (TỶ TRỌNG 30%, gồm chuyên cần, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và bài kiểm tra giữa kỳ)			
1. Chuyên cần (tỷ trọng trong học phần 20%)	Đánh giá sự chuyên cần trong học tập.	As1, As2, As3	80%
	Đánh giá sự tích cực đóng góp tham gia xây dựng bài học.	As1, As2, As3	20%
2. Bài tập nhóm (tỷ trọng trong học phần 40%) Mỗi nhóm được phân chia một chủ đề cụ thể trong phạm vi môn học. Số lượng thành viên nhóm từ 3-5 SV. Thời gian trình bày 20 phút và tương tác phản biện trước lớp 10 phút. Điểm đánh giá bao gồm điểm chung của nhóm và điểm của từng cá nhân. Các nhóm phải nộp bài tập	Đánh giá sự am hiểu nội dung học phần của sinh viên các nhóm.	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5, Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, As2	40%
	Đánh giá kỹ năng thuyết trình, kỹ năng trình bày trước đám đông.	Ss3, Ss4	20%
	Đánh giá khả năng tương tác trực tiếp giữa sinh viên với nhau, kỹ năng giao tiếp với đám đông và với giảng viên.	Ss3, Ss4 As1, As2, As3, As4	20%
	Đánh giá được tri thức của sinh viên từ quá trình chuẩn bị, các kỹ năng chuyên môn và tổ chức các nhân được phối hợp.	Ks1, Ks2, Ks3, s4, Ks5, Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, As2	20%

nhóm (file word và ppt)			
3. Kiểm tra giữa kỳ (tỷ trọng trong học phần 40%) Kiểm tra giữa kỳ 45 phút sẽ kiểm tra các kiến thức, cấu trúc gồm 1 câu hỏi tự luận và 1 câu hỏi giải quyết tình huống case study.	Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên, diễn giải một vấn đề cụ thể của môn học.	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5	50%
	Đánh giá khả năng tư duy hệ thống, lập luận chặt chẽ giải quyết vấn đề thực tế.	Ss2, Ss3, Ss4	30%
	Đánh giá khả năng tích lũy phản hồi các kiến thức mới vào trong giải quyết các vấn đề đưa ra.	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5 Ss1, Ss2, Ss4	20%
ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ (TỶ TRỌNG TRONG HỌC PHẦN: 70%)			
BÀI THI TỰ LUẬN (Tỷ trọng trong học phần 70%) Bài thi 60 phút bao gồm 3 câu hỏi cả lý thuyết, bài tập và vận dụng tình huống.	Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên, khả năng hệ thống hoá và áp dụng kiến thức để trình bày, diễn giải một vấn đề cụ thể của môn học.	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ks5	30%
	Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề trong một tình huống cụ thể.	Ss1, Ss2, Ss4	50%
	Đánh giá khả năng sáng tạo, tư duy logic lập luận chặt chẽ, kết hợp lý thuyết với thực tế để diễn giải một vấn đề của môn học.	As1, As2, As3	20%

Trưởng Khoa

P. Trưởng bộ môn

Đã ký

Đã ký

TS. Huỳnh Thị Thu Sương

TS. Trần Văn Hưng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1. Tên học phần: KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tên tiếng Anh: Thesis - Mã học phần: 010973

Số tín chỉ (lên lớp/Thực hành/tự nghiên cứu): 6

- Áp dụng cho ngành/chuyên ngành đào tạo: QTDA

+ Bậc đào tạo: Đại học

+ Hình thức đào tạo: Chính qui-Đại trà

+ Yêu cầu của học phần: (Bắt buộc/Tự chọn): bắt buộc

1.2. Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Khoa QTKD/BM.QTKDTH

1.3. Mô tả học phần:

- Mô tả học phần:

Thực tập cuối khóa và viết khóa luận là học phần vận dụng những kiến thức lý luận đã được học tại Khoa Quản trị kinh doanh, trường ĐH Tài chính – Marketing để phân tích, kiểm chứng và phát hiện các vấn đề thực tế. Đồng thời, qua đó cũng nâng cao khả năng tư duy, lý luận, phản biện đối với một vấn đề khoa học quản lý, kinh doanh; là cơ sở để tập dượt các kỹ năng nghiên cứu, làm việc độc lập khi ra trường. Thực tập cuối khóa và viết khóa luận là cơ hội giúp sinh viên nhận diện vấn đề tại thực tế doanh nghiệp và đề xuất biện pháp ứng phó hoặc giải quyết vấn đề giúp cải thiện hoặc nâng cao hiệu quả hoạt động tại doanh nghiệp. Và thông qua thực tập cuối khóa, sinh viên tiếp cận môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp.

1.4 Các điều kiện tham gia học phần:

- Các học phần học trước: Đã học các học phần trong chương trình đào tạo.

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

MỤC TIÊU	Cụ thể hóa
	Hệ thống hóa khung lý thuyết.

Mục tiêu kiến thức	Khái quát nội dung của hoạt động quản trị của tổ chức.
	Phân tích được năng lực của tổ chức.
	Phân tích kết quả hoạt động của tổ chức: doanh thu, lợi nhuận, thị phần,...
	Phân tích được hiện trạng thực hiện các hoạt động quản trị của tổ chức.
	Đánh giá hoạt động quản trị của tổ chức.
Mục tiêu kỹ năng	Nhận diện những vấn đề trong hoạt động quản trị cụ thể của tổ chức.
	Đề xuất được các kiến nghị, giải pháp cho những tồn tại của 1 doanh nghiệp trong và ngoài nước, doanh nghiệp với nhiều loại hình sở hữu và quy mô khác nhau, đơn vị hành chính – sự nghiệp (từ đây gọi là tổ chức) theo kiến thức lý thuyết và khả năng phân tích, vận dụng, sáng tạo của bản thân.
	Tác nghiệp trong môi trường thực tế, hoàn thiện các kỹ năng: kỹ năng hòa nhập với môi trường mới, năng lực quản lý thời gian, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc độc lập,...

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu		Chuẩn đầu ra học phần	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
Kiến thức (K)	Ks1	Thiết kế khung cơ sở luận cho nội dung nghiên cứu.	K5,K6, K7, K8,K9,K10
	Ks2	Mô tả nội dung nghiên cứu	

	Ks3	Mô tả các khía cạnh, các chỉ tiêu, các tiêu chí đo lường/ đánh giá	
	Ks4	Mô tả phương pháp dùng đo lường/đánh giá	
	Ks5	Mô tả công cụ dùng đo lường/đánh giá	
Kỹ năng (S)	Ss1	Đo lường, đánh giá các chỉ tiêu, các tiêu chí	S1,S2,S3,S4,S5,S6,S7,S8
	Ss2	Phân tích, nhận xét	
	Ss3	Kết hợp sử dụng được các công cụ đề xuất phương án giải quyết vấn đề, cải tiến hoạt động.	
Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	As1	Cảm thụ được mối quan hệ tương hỗ giữa giá trị bản thân và chủ động trong thực tập.	A1,A3,A4,A6,A7
	As2	Chủ động nghiên cứu, học và vận dụng kiến thức để nhận diện và xử lý vấn đề tại thực tế doanh nghiệp	
	As3	Cảm thụ được mối quan hệ giữa giá trị của việc thực tập đối với nghề nghiệp sau này.	

4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC PHẦN

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Tỷ trọng, Điểm tối đa
ĐIỂM QUÁ TRÌNH (GVHD ĐÁNH GIÁ)	40%
1. Tuân thủ quy định của Trường, của Khoa	20
2. Thực hiện tiến độ thực tập cuối khóa và viết báo cáo	20
3. Năng lực nghiên cứu: năng lực chọn đề tài, đề xuất hướng nghiên cứu, thiết kế nội dung nghiên cứu,..	40

4. Văn hóa ứng xử, đạo đức tác phong và thái độ của sinh viên trong quá trình thực tập cuối khóa.	20
TỔNG	100
ĐIỂM BÁO CÁO (GVHD VÀ GVPB CHẤM ĐỘC LẬP)	60%
1. Hình thức (format đúng qui định, trình bày đúng mẫu qui định, không có lỗi chính tả, số trang trong khoảng cho phép, đóng cuốn theo qui định)	10
2. Bố cục hợp lý, Trình bày dễ hiểu, văn phong chính chu	10
3. Phương pháp nghiên cứu và công cụ phân tích phù hợp	10
4. Thông tin, dữ liệu (rõ ràng, toàn diện, cập nhật)	25
5. Phân tích, đánh giá và nhận diện được vấn đề thực tiễn	25
6. Giải pháp đề xuất có tính thực tiễn, sáng tạo và phù hợp	20
TỔNG	100
ĐIỂM TỔNG KẾT	100%

**Ban Giám hiệu
Duyệt**

**Trưởng khoa
Đã ký
TS. Huỳnh Thị Thu Sương**

**P. Trưởng bộ môn
Đã ký
TS. Trần Văn Hưng**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1. Tên học phần: QUẢN TRỊ ĐỐI TÁC TRONG DỰ ÁN

Tên tiếng Anh: STAKEHOLDER AND COMMUNICATION MANAGEMENT

- Mã học phần: **010820** Số tín chỉ (lên lớp/thực hành/tự nghiên cứu): 03

- Áp dụng cho ngành/chuyên ngành đào tạo:

+ Bậc đào tạo : Đại học

+ Hình thức đào tạo: Chính quy

+ Yêu cầu của học phần: (*Bắt buộc/Tự chọn*) Tự chọn.

1.2. Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:

Khoa Quản trị kinh doanh – bộ môn quản trị kinh doanh tổng hợp

1.3. Mô tả học phần:

- Mô tả học phần:

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về đấu thầu và quản lý hợp đồng; nắm được cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động đấu thầu và quản lý hợp đồng.

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết

+ Làm bài tập trên lớp: 15 tiết

+ Thảo luận: 10 tiết

+ Tự học: 5 tiết

1.4 Các điều kiện tham gia học phần:

- Các học phần tiên quyết: (*chỉ 1 môn*) [Quản trị dự án, mã số môn học]

- Các học phần học trước: (*tối đa 2 môn*) [Quản trị hồ sơ mua sắm, mã số môn học][Đấu thầu và hợp đồng dự án, mã số môn học]

- Các học phần học song hành: [Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư, mã số môn học]

- Các yêu cầu khác đối với học phần (*nếu có*): [Các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ cần có khi tham gia khóa học]

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết

+ Làm bài tập trên lớp: 15 tiết

+ Thảo luận: 10 tiết

+ Tự học: 5 tiết

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quan hệ các đối tác hiệu quả ; nắm được các phương pháp phân tích, kế hoạch giao tiếp với các đối tác trong dự án.

Thực tập cho sinh viên cách thức lên danh sách các bên hữu quan, phân loại đối tác, phân tích cấp độ can dự của các đối tác lên dự án và cách quản lý giao tiếp cũng như đánh giá tầm ảnh hưởng của các đối tác đối với dự án.

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu		Chuẩn đầu ra học phần	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	Ks1	Trang bị cho sinh viên ngành quản trị kinh doanh kiến thức cơ bản nhất của Quản trị đối tác trong dự án.	<i>Kiến thức chuyên ngành QTDA:</i> K6 – Xây dựng, phân tích và đánh giá được hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội của các dự án đầu tư. K7 – Triển khai, điều hành dự án. K8 – Kiểm soát và đánh giá dự án. K9 – Sáng tạo, đề xuất các phương thức quản trị hiệu quả trong các lĩnh vực quản trị dự án.	K6 – Mức 5 K7 – Mức 5 K8 – Mức 5 K9 – Mức 6.
	Ks2	Nắm những khái niệm tổng quan về giao tiếp, về đối tác, quản trị đối tác hiệu quả.		
	Ks3	Hiểu về mối quan hệ của các đối tác và tầm quan trọng của họ đối với dự án.		
	Ks4	Hiểu và nắm bắt các công cụ phân tích đánh giá, phân loại tầm ảnh hưởng và mức độ can dự của đối tác lên dự án		
Kỹ năng	Ss1	Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế trong quản trị các đối tác trong dự án.	S4 – Đạt được kỹ năng lập các kế hoạch, tổ chức triển khai, và điều hành thực hiện các mǎng hoạt động trong tổ chức. S5 – Đạt được kỹ năng kiểm soát, kiểm tra, và đánh giá các hoạt động của đơn vị theo mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch đã được	
	Ss2	Hình thành và phát triển năng lực cá nhân trong thu thập và phân tích thông tin về các mối quan hệ, tầm ảnh hưởng, cũng như sự can dự của các đối tác đối với dự án.		

	Ss3	Phát triển kỹ năng lập luận, viết báo cáo và thuyết trình báo cáo về kế hoạch quản lý giao tiếp;	thông qua; S6 – Đạt được kỹ năng tư vấn kinh doanh, tham mưu cho lãnh đạo các biện pháp hoàn thiện công tác quản trị hoặc nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.	
	Ss4	Kỹ năng nghiệp vụ pháp lý, quản lý hồ sơ các đối tác, định hướng chiến lược quản lý sự kỳ vọng của đối tác đối với dự án.	S7 – Đạt được kỹ năng sáng tạo đề xuất các phương pháp quản trị hiệu quả trong các mảng hoạt động của dự án. S8 – Đạt được kỹ năng khởi sự kinh doanh.	
Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	As1	Lên lớp đầy đủ, tự giác trong nghiên cứu, tham gia tích cực hoạt động nhóm.	A3 – Thái độ ứng xử chuyên nghiệp trong môi trường đa văn hóa.	
	As2	Học tập và làm việc độc lập trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	A4 - Ý thức trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp. A5 – Có ý thức trong việc phát triển năng lực kết nối và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội.	
	As3	Có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khả năng hoạch định, điều phối và tổ chức thực hiện. Đánh giá được hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện.	A6 – Nhận thức sự thay đổi, hình thành năng lực học tập để thích ứng với sự thay đổi.	
	As4	Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo trong từng tình huống thực tiễn; có khả năng cải tiến và cập nhật kiến thức mới trong quá trình thực hiện.	A7 - Nhận thức đúng đắn nghề nghiệp, học hỏi, phát triển nghề nghiệp.	
	As5	Có khả năng nắm bắt kịp thời các xu hướng thay đổi; có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ;		

3.2 Ma trận liên kết nội dung của học phần với chuẩn đầu ra của học phần

TT	Nội dung	Chuẩn đầu ra môn học		
		Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
1	<p>Chương 1: Tổng quan về dự án</p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2. Giới thiệu về dự án, chu trình dự án</p> <p>1.3. Ba giai đoạn và năm pha của dự án</p> <p>1.4. Cơ cấu tổ chức và tầm ảnh hưởng của giao tiếp trong dự án</p>	<p>K s1</p> <p>K s2</p>	<p>S s1</p> <p>S s2</p>	<p>A s1</p> <p>A s2</p>
2	<p>Chương 2: Nhận diện các đối tác trong dự án</p> <p>2.1. Khái niệm về các đối tác trong dự án</p> <p>2.2. Các phương pháp cân bằng trong quản lý các đối tác.</p> <p>2.2.1. Kỹ năng kỹ thuật</p> <p>2.2.2. Nhận thức kinh doanh</p> <p>2.3. Nhận diện các đối tác trong dự án.</p> <p>2.3.1. Mục tiêu dự án và sự nhận diện các đối tác trong dự án.</p> <p>2.3.2. Các yếu tố của tổ chức và sự nhận diện các đối tác trong dự án.</p> <p>2.3.3. Đăng ký hồ sơ các đối tác trong dự án.</p>	<p>K s1</p> <p>K s2</p> <p>Ks3</p>	<p>S s1</p> <p>S s2</p> <p>Ss3</p>	<p>A s1</p> <p>A s2</p> <p>As3</p> <p>As4</p>
3	<p>Chương 3: Phân tích các đối tác trong dự án</p> <p>3.1. Quyền lực, Lợi ích và tầm ảnh hưởng của các đối tác trong dự án.</p> <p>3.2. Tác dụng của các đối tác trong dự án.</p> <p>3.3. Các đối tác cấp cao trong dự án.</p>	<p>K s1</p> <p>K s2</p> <p>Ks3</p> <p>Ks4</p>	<p>S s1</p> <p>S s2</p> <p>Ss3</p>	<p>A s1</p> <p>A s2</p> <p>As3</p> <p>As4</p>
4	<p>Chương 4: Giao tiếp và quản lý các đối tác trong dự án.</p> <p>4.1. Đặc điểm cá tính và thói quen.</p> <p>4.2. Xây dựng thương hiệu cá nhân.</p> <p>4.3. Yêu cầu, kỳ vọng và mục tiêu của các đối tác trong dự án.</p>	<p>K s1</p> <p>K s2</p> <p>Ks3</p>	<p>S s1</p> <p>S s2</p> <p>Ss3</p> <p>Ss4</p>	<p>A s1</p> <p>A s2</p> <p>As3</p> <p>As4</p>
5	<p>Chương 5: Quản lý đội dự án</p> <p>5.1. Mô hình xây dựng và phát triển đội dự án.</p> <p>5.2. Lãnh đạo và khích lệ động viên</p> <p>5.3. Quản lý xung đột.</p>	<p>Ks4</p>	<p>S s1</p> <p>S s2</p> <p>Ss3</p> <p>Ss4</p>	<p>A s1</p> <p>A s2</p> <p>As3</p> <p>As4</p> <p>As5</p>

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP					
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (<i>Bài tập/ Thảo luận</i>)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu		
Tuần 1:	<p>Chương 1: Tổng quan về dự án.</p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2. Giới thiệu về dự án, chu trình dự án</p> <p>1.3. Ba giai đoạn và năm pha của dự án</p> <p>1.4. Cơ cấu tổ chức và tầm ảnh hưởng của giao tiếp trong dự án.</p>	3	<p>2</p> <p>-Tìm hiểu về các giai đoạn tổ chức của một dự án.</p> <p>- Thảo luận về các vấn đề tranh cãi trong case 1.</p>		3	Đọc trước giáo trình Quản trị các đối tác trong dự án. Chương 1: Tổng quan về dự án.	
Tuần 2,3,4:	<p>Chương 2: Nhận diện các đối tác trong dự án</p> <p>2.1. Khái niệm về các đối tác trong dự án</p> <p>2.2. Các phương pháp cân bằng trong quản lý các đối tác.</p> <p>2.2.1. Kỹ năng kỹ thuật</p> <p>2.2.2. Nhận thức kinh doanh</p> <p>2.3. Nhận diện các đối tác trong dự án.</p> <p>2.3.1. Mục tiêu dự án và sự nhận diện các đối tác trong dự án.</p>	6	<p>2</p> <p>-Phân tích mục tiêu chiến lược của dự án IT.</p> <p>- Phân tích các nguyên nhân thất bại của 1 số dự án.</p> <p>- Tập nhận diện các đối tác cho</p>		4	Giáo trình Quản trị các đối tác trong dự án. Chương 2: Nhận diện các đối tác trong dự án.	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP					
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (<i>Bài tập/ Thảo luận</i>)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu		
	<p>2.3.2. Các yếu tố của tổ chức và sự nhận diện các đối tác trong dự án.</p> <p>2.3.3. Đăng ký hồ sơ các đối tác trong dự án.</p>		<p>dự án của cá nhân.</p> <p>- Tập nhận diện các đối tác trong dự án của 1 công ty sản xuất kinh doanh.</p>				
Tuần 4,5,6:	<p>Chương 3: Phân tích các đối tác trong dự án</p> <p>3.1. Quyền lực, Lợi ích và tầm ảnh hưởng của các đối tác trong dự án.</p> <p>3.2. Tác dụng của các đối tác trong dự án.</p> <p>3.3. Các đối tác cấp cao trong dự án.</p>	6	<p>3</p> <p>-Thảo luận về các đối tác trong một dự án xây dựng.</p> <p>-Đánh giá tầm ảnh hưởng và quyền lực của các đối tác trong một dự án cụ thể.</p>	<p>- Lập danh sách các đối tác và phân tích các đối tác cho dự án mà sinh viên chọn.</p>	4	<p>Đọc trước giáo trình Quản trị các đối tác trong dự án.</p> <p>Chương 3: Phân tích các đối tác trong dự án.</p>	
Tuần 7,8,9:	<p>Chương 4: Giao tiếp và quản lý các đối tác</p>	6	<p>3</p> <p>Nhà lãnh</p>	<p>Tổ chức giả lập</p>	5	<p>Đọc trước giáo trình Quản trị</p>	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP					
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (<i>Bài tập/ Thảo luận</i>)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu		
	<p>trong dự án.</p> <p>4.1. Đặc điểm cá tính và thói quen.</p> <p>4.2. Xây dựng thương hiệu cá nhân.</p> <p>4.2.1. Nhân hiệu.</p> <p>4.2.2. Yếu tố ảnh hưởng.</p> <p>4.2.3. Giao tiếp hiệu quả.</p> <p>4.2.3.1. Giao tiếp hiệu quả là gì?</p> <p>4.2.3.2. Các tiền đề về giao tiếp hiệu quả.</p> <p>4.2.3.3. Năm loại ngôn ngữ trong giao tiếp.</p> <p>4.2.3.4. Diễn tập.</p> <p>4.2.3.5. Cuộc họp hiệu quả.</p> <p>4.2.4. Các đối tác khó tính.</p> <p>4.3. Yêu cầu, kỳ vọng và mục tiêu của các đối tác trong dự án.</p>		<p>đạo thiếu tự tin ảnh hưởng như thế nào đến dự án;</p> <p>- Tìm hiểu các casestudy về các dự án thành công.</p>	<p>nhập vai và diễn tập các bối cảnh.</p>		<p>các đối tác trong dự án.</p> <p>Chương 4: Giao tiếp và quản lý các đối tác trong dự án.</p>	
<p>Tuần 10,11:</p>	<p>Chương 5: Quản lý đội dự án</p> <p>5.1. Mô hình xây dựng và phát triển đội dự án.</p> <p>5.2. Lãnh đạo và khích lệ động viên</p> <p>5.3. Quản lý xung đột.</p>	<p>4</p>	<p>2</p> <p>Xem và nhận xét đánh giá về một case thành công.</p>	<p>Giả lập và luyện tập cách làm việc nhóm, xây dựng một đội vững mạnh, đạt</p>	<p>4</p>	<p>Đọc trước giáo trình Quản trị các đối tác trong dự án.</p> <p>Chương 5: Quản lý đội dự án.</p>	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP					
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (<i>Bài tập/ Thảo luận</i>)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu		
				được các “buy in”.			

5. HỌC LIỆU

(Lưu ý: học liệu được chọn phải là những tài liệu được cập nhật mới nhất.)

5.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

TS.VSKH. Nguyễn Văn Đáng. Bài giảng: Quản lý các đối tác trong dự án , Đại học Tài chính – Marketing, 2014.

5.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

1. PMBoK 6th , Viện quản trị dự án PMI, 2017.
2. Making Projects Work – Effective Stakeholder and Communication Management , Lynda Bourne, CRC Press – Taylor&Francis Group.
3. The Course of Project Management – 2th, China Machine Press
4. Project Management – Erik W.Larson – Clifford F.Gray – 5th ,McGraw-Hill Education, Inc.
5. Project Management Essentials, Therese Linton .
6. Contemporary Project Management , Timothy J.Kloppenborg , 3th.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1. Đánh giá quá trình: 30%

STT	Nội dung đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ	Đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần
1	Điểm chuyên cần	Điểm danh; tham gia trao đổi, đóng góp trong lớp học	30%	As1, As2, As3, As4, As5, As6

2	Bài tập nhóm	Làm bài nhóm và thuyết trình các chuyên đề	40%	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4 Ss1, Ss2, Ss3, Ss4 As1, As2, As6
3	Kiểm tra giữa kỳ	Bài tập cá nhân	30%	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4 Ss1, Ss2, Ss3, Ss4 As1, As2, As3, As4
	Tổng		100%	

4.2. Đánh giá kết thúc học phần: 70%

STT	Nội dung đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ	Đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần
1	Kiến thức	Thi tự luận, tái hiện kiến thức và nâng cao kiến thức	30%	Ks3, Ks4, Ks5, Ks6
2	Kỹ năng	Bài tập tình huống	50%	Ks5, Ks3, Ks4 Ss2, Ss3, Ss4 As4, As5, As6
3	Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	Các câu hỏi vận dụng	20%	As3, As4, As5, As6
	Tổng		100%	

**Ban Giám hiệu
Duyệt**

**Trưởng khoa
Đã ký
TS. Huỳnh Thị Thu Sương**

**P. Trưởng bộ môn
Đã ký
TS. Trần Văn Hưng**

PHỤ LỤC 06

(Kèm theo đề cương chi tiết học phần: Quản trị đối tác trong dự án)

CHI TIẾT PHƯƠNG PHÁP VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

LOẠI HÌNH ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CHUẨN ĐÀU RA ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
ĐIỂM QUÁ TRÌNH: (TỈ TRỌNG 30%, gồm Bài tập nhóm và Bài kiểm tra giữa kỳ)			
1. Điểm chuyên cần (Tỷ trọng trong học phần: 30%) Điểm danh; tham gia trao đổi, đóng góp trong lớp học	Đánh giá sự chuyên cần trong học tập.	A2, A5	70%
	Đánh giá sự tích cực đóng góp tham gia xây dựng bài học.	A1, A3, A4	30%
1. Bài tập Nhóm (tỷ trọng trong học phần 40%) Mỗi nhóm được phân chia một đề tài cụ thể trong phạm vi môn học. Nhóm sẽ được phân công bốc thăm tình huống, và có một tuần để chuẩn bị bài phân tích của mình. Sau đó sẽ trình bày thuyết trình trước lớp. Mỗi nhóm có 15 phút để thuyết trình và 10 phút tương tác phản biện trước lớp. GV sẽ có điểm đánh giá chung của nhóm và điểm cho từng cá nhân tham gia nhóm. Mỗi nhóm có tối đa 5 sinh viên và tối thiểu 3 sinh viên. Nhóm nộp bài bằng file word cho GV và trình bày thuyết trình bằng power point.	Đánh giá sự am hiểu nội dung học phần của sinh viên. Sử dụng được công cụ phân tích đánh giá, phân loại tầm ảnh hưởng và mức độ can dự của đối tác lên dự án. Đánh giá được kỹ năng lập luận, viết báo cáo và thuyết trình báo cáo về kế hoạch quản lý giao tiếp.	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4; Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, As1, As2, As3, As4, As5	40%
	Đánh giá kỹ năng trình bày trước đám đông, kỹ năng trình bày trên file power point, kỹ năng vận dụng các công cụ hỗ trợ để chuyển tải nội dung môn học.	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4; Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, As1, As2, As3	20%
	Đánh giá được khả năng tương tác trực tiếp giữa sinh viên với nhau (vận dụng được các kỹ năng như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo, tổ chức công việc), kỹ năng giao tiếp với đám đông và với giảng viên nhằm củng cố kiến thức, đón nhận những phát hiện mới với tinh thần cầu thị.	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4; Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, As1, As2, As3	20%
	Đánh giá được tri thức của sinh viên từ quá trình chuẩn bị, các kỹ năng chuyên môn và tố chất cá nhân được phối hợp. Kỹ năng nghiệp vụ pháp ký, quản lý hồ sơ các đối tác, định hướng chiến lược quản lý sự kỳ vọng của đối tác đối với dự án.	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4; Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, As1, As2, As3	20%

<p>2. Bài tập cá nhân - Kiểm tra Giữa kỳ (tỷ trọng trong học phần 30%)</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ 75 phút sẽ kiểm tra các kiến thức từ chương 1 đến chương 5 cấu trúc gồm 2 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30 câu trắc nghiệm. Mỗi câu 0,2 điểm. - Phần 2: Đưa ra một tình huống và có 2 câu hỏi phân tích tình huống. Mỗi câu 2 điểm. 	Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên diễn giải các tình huống được đưa ra trong bài kiểm tra.	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4; Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, As3, As4, As5	30%
	Đánh giá khả năng tư duy hệ thống, lập luận chặt chẽ, giải quyết vấn đề thực tế được đưa ra trong bài kiểm tra.	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4; Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, As3, As4, As5	30%
	Đánh giá khả năng tích lũy, phản hồi các kiến thức đã học vào trong giải quyết các vấn đề được đưa ra	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4; Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, As4, As5	10%
	Đánh giá được năng lực cá nhân trong việc thu thập và phân tích các thông tin, đánh giá năng lực vận dụng kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo trong từng tình huống thực tiễn.	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4; Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, As4, As5	30%
ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ: (TỶ TRỌNG 70%)			
<p>BÀI THI TỰ LUẬN (tỷ trọng trong học phần 70%)</p> <p>Bài thi 60 phút, bao gồm 3 câu hỏi bao gồm cả lý thuyết và cả vận dụng tình huống thực tế.</p> <p>Nội dung đề thi là một trong những phần đã tương tác trong thuyết trình nhóm về nội dung môn học</p>	Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên, khả năng hệ thống hóa và áp dụng kiến thức để trình bày, diễn giải một vấn đề cụ thể đặt ra của môn học.	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4; As4, As5.	30%
	Đánh giá kỹ năng tư duy logic, lập luận chặt chẽ, kết hợp giữa lý thuyết với thực tế để diễn giải một vấn đề của môn học.	Ss2, Ss3, Ss4 ; As4, As5	20%
	Đánh giá kỹ năng, khả năng sáng tạo, phát hiện vấn đề trong quản trị đối tác trong dự án trong bài tập thực tế. Nắm bắt và sử dụng được các công cụ phân tích đánh giá, phân loại tầm ảnh hưởng và mức độ can dự của đối tác, định hướng chiến lược sự kỳ vọng của đối tác đối với dự án.	Ks3, Ks4; Ss2; As4, As5	40%
	Đánh giá khả năng trình bày một bài viết bằng văn phong hàn lâm, sáng tạo, vận dụng kiến thức sâu rộng để giải quyết vấn đề.	Ss3; As4, As5	10%

TRƯỞNG KHOA

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

Đã ký

Đã ký

TS. Huỳnh Thị Thu Sương

TS. Trần Văn Hưng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1. Tên học phần: QUẢN TRỊ ĐẦU THẦU VÀ HỢP ĐỒNG

Tên tiếng Anh: PROCUREMENT & CONTRACT MANAGEMENT

- Mã học phần: 010791 Số tín chỉ: 03

- Áp dụng cho ngành/chuyên ngành đào tạo:

+ Bachelor : Đại học

+ Hình thức đào tạo: Chính quy

+ Yêu cầu của học phần: (Bắt buộc/Tự chọn) Bắt buộc.

1.2. Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:

Khoa Quản trị kinh doanh – bộ môn quản trị kinh doanh tổng hợp

1.3. Mô tả học phần:

- Mô tả học phần:

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về đấu thầu và quản lý hợp đồng; nắm được cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động đấu thầu và quản lý hợp đồng.

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết

+ Làm bài tập trên lớp: 15 tiết

+ Thảo luận: 10 tiết

+ Tự học: 5 tiết

1.4 Các điều kiện tham gia học phần:

- Các học phần tiên quyết: (chỉ 1 môn) [Quản trị dự án, mã số môn học]

- Các học phần học trước: (tối đa 2 môn) [Quản trị hồ sơ mua sắm, mã số môn học][Quản trị các bên liên quan, mã số môn học]

- Các học phần học song hành: [Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư, mã số môn học]

- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): [Các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ cần có khi tham gia khóa học]

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết

+ Làm bài tập trên lớp: 15 tiết

+ Thảo luận: 10 tiết

+ Tự học: 5 tiết

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về đấu thầu và quản lý hợp đồng; nắm được cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động đấu thầu và quản lý hợp đồng.

Thực tập cho sinh viên cách thức lập hội đồng đấu thầu, cách sắp xếp đối tượng dự thầu; Cách thức công bố trúng thầu và thương thảo hợp đồng; Cách soạn thảo các loại hợp đồng.

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu		Chuẩn đầu ra học phần	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	Ks1	Trang bị cho sinh viên ngành quản trị kinh doanh kiến thức cơ bản nhất của Đấu thầu & quản lý hợp đồng.	<i>Kiến thức chuyên ngành QTDA:</i> K6 – Xây dựng, phân tích và đánh giá được hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội của các dự án đầu tư. K7 – Triển khai, điều hành dự án. K8 – Kiểm soát và đánh giá dự án. K9 – Sáng tạo, đề xuất các phương thức quản trị hiệu quả trong các lĩnh vực quản trị dự án.	K6 – Mức 5 K7 – Mức 5 K8 – Mức 5 K9 – Mức 6.
	Ks2	Nắm những khái niệm tổng quan về đấu thầu; các chủ thể tham gia đấu thầu.		
	Ks3	Hiểu về luật đấu thầu và các hướng dẫn về luật đấu thầu; Hiểu được ngôn ngữ trong đấu thầu.		
	Ks4	Hiểu và nắm bắt các loại hợp đồng; cách quản lý hồ sơ hợp đồng; Phân biệt được trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng.		
Kỹ năng	Ss1	Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế trong đấu thầu & quản lý hợp đồng.	S3 – Đạt được kỹ năng thu thập, phân tích thông tin, dự báo phục vụ cho công tác quản trị.	

	Ss2	Hình thành và phát triển năng lực cá nhân trong thu thập và phân tích thông tin về đấu thầu, kỹ năng phối hợp công tác đối với nhiều thành phần tham gia đấu thầu, cân bằng các mối quan hệ giữa các chủ thể tham gia đấu thầu; kỹ năng đánh giá lựa chọn nhà thầu;	S4 – Đạt được kỹ năng lập các kế hoạch, tổ chức triển khai, và điều hành thực hiện các mǎng hoạt động trong tổ chức. S5 – Đạt được kỹ năng kiểm soát, kiểm tra, và đánh giá các hoạt động của đơn vị theo mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch đã được thông qua; S6 – Đạt được kỹ năng tư vấn kinh doanh, tham mưu cho lãnh đạo các biện pháp hoàn thiện công tác quản trị hoặc nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.	
	Ss3	Phát triển kỹ năng lập luận, viết báo cáo và thuyết trình báo cáo về kế hoạch đấu thầu;	S6 – Đạt được kỹ năng tư vấn kinh doanh, tham mưu cho lãnh đạo các biện pháp hoàn thiện công tác quản trị hoặc nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.	
	Ss4	Kỹ năng nghiệp vụ pháp lý, triệt để tuân thủ các quy định của nhà nước về đấu thầu; kỹ năng soạn thảo, ký kết và quản lý hợp đồng.		
Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	As1	Lên lớp đầy đủ, tự giác trong nghiên cứu, tham gia tích cực hoạt động nhóm.	A3 – Thái độ ứng xử chuyên nghiệp trong môi trường đa văn hóa.	
	As2	Học tập và làm việc độc lập trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	A4 - Ý thức trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp. A5 – Có ý thức trong việc phát triển năng lực kết nối và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội.	
	As3	Có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khả năng hoạch định, điều phối và tổ chức thực hiện. Đánh giá được hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện.	A6 – Nhận thức sự thay đổi, hình thành năng lực học tập để thích ứng với sự thay đổi.	
	As4	Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo trong từng tình huống thực tiễn; có khả năng cải tiến và cập nhật kiến thức mới trong quá trình thực hiện.	A7 - Nhận thức đúng đắn nghề nghiệp, học hỏi, phát triển nghề nghiệp.	
	As5	Có khả năng nắm bắt kịp thời các xu hướng thay đổi; có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ;		

3.2 Ma trận liên kết nội dung của học phần với chuẩn đầu ra của học phần

TT	Nội dung	Chuẩn đầu ra môn học		
		Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
1	<p>Phần 1: ĐẤU THẦU</p> <p>Chương 1: Giới thiệu về đấu thầu.</p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2. Giới thiệu về dự án, chu trình dự án</p> <p>1.3. 3 giai đoạn và 5 pha của dự án</p> <p>1.4. Các chủ thể tham gia đấu thầu</p> <p>1.5. Khái quát về luật đấu thầu và nghị định hướng dẫn luật đấu thầu.</p>	<p>K s1</p> <p>K s2</p>	<p>S s1</p> <p>S s2</p>	<p>A s1</p> <p>A s2</p>
2	<p>Chương 2: Những quy định chung về đấu thầu.</p> <p>2.1. Những thông tin chung về đấu thầu</p> <p>2.2. Ngôn ngữ trong đấu thầu.</p> <p>2.3. Đồng tiền dự thầu</p> <p>2.4. Bảo đảm dự thầu</p> <p>2.5. Chi phí trong đấu thầu</p> <p>2.6. Ưu đãi trong đấu thầu</p> <p>2.7. Đấu thầu quốc tế</p> <p>2.8. Điều kiện tham dự thầu</p>	<p>K s1</p> <p>K s2</p> <p>Ks3</p>	<p>S s1</p> <p>S s2</p> <p>Ss3</p>	<p>A s1</p> <p>A s2</p>
3	<p>Chương 3: Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.</p> <p>3.1. Các hình thức lựa chọn nhà thầu.</p> <p>3.2. Các phương thức đấu thầu</p>	<p>K s1</p> <p>K s2</p> <p>Ks3</p>	<p>S s1</p> <p>S s2</p> <p>Ss3</p>	<p>A s1</p> <p>A s2</p>
4	<p>Chương 4: Kế hoạch và quy trình lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.1. Kế hoạch đấu thầu</p> <p>4.2. Quy trình lựa chọn nhà thầu</p> <p>4.3. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu</p>	<p>K s1</p> <p>K s2</p> <p>Ks3</p>	<p>S s1</p> <p>S s2</p> <p>Ss3</p> <p>Ss4</p>	<p>A s1</p> <p>A s2</p> <p>As3</p> <p>As4</p>
5	<p>Phần 2. HỢP ĐỒNG</p> <p>Chương 5: Các loại hợp đồng</p> <p>5.1. Hợp đồng trọn gói</p> <p>5.2. Hợp đồng theo đơn giá cố định.</p>	<p>Ks4</p>	<p>S s1</p> <p>S s2</p> <p>Ss3</p> <p>Ss4</p>	<p>A s1</p> <p>A s2</p> <p>As3</p>

TT	Nội dung	Chuẩn đầu ra môn học		
		Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	5.3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh 5.4. Hợp đồng theo thời gian.			As4 As5
6	Chương 6: Hồ sơ hợp đồng 6.1. Điều kiện ký kết hợp đồng 6.2. Hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn 6.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng 6.4. Nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng 6.5. Các loại hợp đồng: BOT, BTO, BT, BOO và các loại hợp đồng khác.	Ks4	S s1 S s2 Ss3 Ss4	A s1 A s2 As3 As4 As5
7	Chương 7: Trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng 7.1. Trách nhiệm của chủ đầu tư 7.2. Trách nhiệm của các bên nhà thầu	Ks4	S s1 S s2 Ss3 Ss4	A s1 A s2 As3 As4 As5

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (<i>Bài tập/ Thảo luận</i>)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu		
		GIỜ LÊN LỚP					
Tuần 1:	Phần 1: ĐẦU THẦU Chương 1: Giới thiệu về đầu thầu. 1.6. Khái niệm 1.7. Giới thiệu về dự án, chu trình dự	4	2 -Tìm hiểu về các chủ thể tham		5	Đọc trước giáo trình Đầu thầu & quản lý hợp đồng Chương 1: Giới	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP					
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (<i>Bài tập/ Thảo luận</i>)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu		
	án 1.8. 3 giai đoạn và 5 pha của dự án 1.9. Các chủ thể tham gia đấu thầu 1.10. Khái quát về luật đấu thầu và nghị định hướng dẫn luật đấu thầu.		gia đấu thầu. - Thảo luận về luật đấu thầu.			thiệu về đấu thầu.	
Tuần 2:	Chương 2: Những quy định chung về đấu thầu. 2.1. Những thông tin chung về đấu thầu 2.2. Ngôn ngữ trong đấu thầu. 2.3. Đồng tiền dự thầu 2.4. Bảo đảm dự thầu 2.5. Chi phí trong đấu thầu 2.6. Ưu đãi trong đấu thầu 2.7. Đấu thầu quốc tế 2.8. Điều kiện tham dự thầu	6	2 -Tìm hiểu về ngôn ngữ trong đấu thầu; - Thảo luận về các điều kiện tham dự thầu.		5	Giáo trình Đấu thầu & quản lý hợp đồng chương 2: Những quy định chung về đấu thầu.	
Tuần 3:	Chương 3: Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư. 3.1. Các hình thức lựa chọn nhà thầu.	6	3 Thảo luận về hồ sơ dự thầu		5	Đọc trước giáo trình Đấu thầu & quản lý hợp đồng Chương 3: Hình	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP					
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (<i>Bài tập/ Thảo luận</i>)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu		
	3.2. Các phương thức đấu thầu					thức, phương thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.	
Tuần 4, 5:	<p>Chương 4: Kế hoạch và quy trình lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.1. Kế hoạch đấu thầu</p> <p>4.2. Quy trình lựa chọn nhà thầu</p> <p>4.3. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu</p>	4	<p>3</p> <p>Tìm hiểu các phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu;</p> <p>- Các trình tự đánh giá hồ sơ.</p> <p>- Bài tập tình huống.</p>	<p>Tổ chức giả lập hội đồng đấu thầu và đánh giá xếp hạng nhà thầu.</p>	5	<p>Đọc trước giáo trình Đấu thầu & quản lý hợp đồng</p> <p>Chương 4: Kế hoạch và quy trình lựa chọn nhà thầu.</p>	
Tuần 6,7:	<p>Phần 2. HỢP ĐỒNG</p> <p>Chương 5: Các loại hợp đồng</p> <p>5.1. Hợp đồng trọn gói</p> <p>5.2. Hợp đồng theo đơn giá cố định.</p> <p>5.3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh</p>	4	<p>2</p> <p>Tìm hiểu các loại hợp đồng</p>	<p>Giả lập công bố trúng thầu và</p>	3	<p>Đọc trước giáo trình Đấu thầu & quản lý hợp đồng</p> <p>Chương 5: Các loại hợp đồng</p>	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP					
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (<i>Bài tập/ Thảo luận</i>)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu		
	5.4. Hợp đồng theo thời gian.			thương thảo hợp đồng.			
Tuần 8,9 :	<p>Chương 6: Hồ sơ hợp đồng</p> <p>6.1. Điều kiện ký kết hợp đồng</p> <p>6.2. Hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn</p> <p>6.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p> <p>6.4. Nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng</p> <p>6.5. Các loại hợp đồng: BOT, BTO, BT, BOO và các loại hợp đồng khác.</p>	4	<p>2</p> <p>Liệt kê những điều kiện ký kết hợp đồng;</p> <p>Thảo luận về các loại hợp đồng, cách chọn hợp đồng phù hợp.</p>	Soạn thảo hợp đồng.	5	Đọc trước giáo trình Đấu thầu & quản lý hợp đồng Chương 6: Hồ sơ hợp đồng.	
Tuần 10,11:	<p>Chương 7: Trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng</p> <p>7.1. Trách nhiệm của chủ đầu tư</p> <p>7.2. Trách nhiệm của các bên nhà thầu</p>	3	<p>2</p> <p>Phân biệt trách nhiệm các bên tham gia hợp đồng.</p> <p>Bài tập tình huống.</p>		3	Đọc trước giáo trình Đấu thầu & quản lý hợp đồng Chương 7: Trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng.	

5. HỌC LIỆU

(Lưu ý: học liệu được chọn phải là những tài liệu được cập nhật mới nhất.)

5.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

TS.VSKH. Nguyễn Văn Đáng. Bài giảng: Đấu thầu & Quản lý hợp đồng, Đại học Tài chính – Marketing, 2014.

5.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

1. Luật đấu thầu.
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/3009/QH12 ngày 19/6/2009.
3. Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu, Luật sửa đổi và việc lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật xây dựng.
4. Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/03/2008 quy định về việc tuyển dụng và quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
5. Thông tư số 01/2010/TT-BKH ngày 06/01/2010 của Bộ kế hoạch và đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu xây lắp.
6. Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 và nghị định của chính phủ số 63/2014/NĐ-CP “Hướng dẫn thực hiện luật đấu thầu số 43/2013/QH13”

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1. Đánh giá quá trình: 30%

STT	Nội dung đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ	Đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần
1	Điểm chuyên cần	Điểm danh; tham gia trao đổi, đóng góp trong lớp học	30%	As1, As2, As3, As4, As5, As6
2	Bài tập nhóm	Làm bài nhóm và thuyết trình các chuyên đề	40%	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4 Ss1, Ss2, Ss3, Ss4 As1, As2, As6
3	Kiểm tra giữa kỳ	Bài tập cá nhân	30%	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4

				Ss1, Ss2, Ss3, Ss4 As1, As2, As3, As4
	Tổng		100%	

6.2. Đánh giá kết thúc học phần: 70%

STT	Nội dung đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ	Đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần
1	Kiến thức	Thi tự luận, tái hiện kiến thức và nâng cao kiến thức	30%	Ks3, Ks4, Ks5, Ks6
2	Kỹ năng	Bài tập tình huống	50%	Ks5, Ks3, Ks4 Ss2, Ss3, Ss4 As4, As5, As6
3	Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	Các câu hỏi vận dụng	20%	As3, As4, As5, As6
	Tổng		100%	

**Ban Giám hiệu
Duyệt**

**Trưởng khoa
Đã ký
TS. Huỳnh Thị Thu Sương**

**P. Trưởng bộ môn
Đã ký
TS. Trần Văn Hưng**

PHỤ LỤC

(Kèm theo đề cương chi tiết học phần: *Quản trị hợp đồng và đấu thầu*)

CHI TIẾT PHƯƠNG PHÁP VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC PHẦN

STT	Loại hình đánh giá	Mô tả	Đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần	Cấu trúc điểm thành phần
ĐIỂM QUÁ TRÌNH (TỶ TRỌNG 30%, gồm chuyên cần, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và bài kiểm tra giữa kỳ)				
1. Điểm chuyên cần; Thái độ chủ động, tích cực trong học tập (Tỷ trọng trong học phần: 30%)		Điểm danh	As1, As2, As3, As4, As5, As6	50%
		Tham gia phát biểu, trao đổi, đóng góp trong lớp học	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4 Ss1, Ss2	50%
2. Bài tập nhóm về chuyên đề chuyên đề đấu thầu: (Tỷ trọng trong học phần: 40%) Mỗi nhóm gồm 6-8 sinh viên được giao làm 1 đề tài cụ thể. Nhóm nộp bài bằng file word và file thuyết trình bằng powerpoint, kèm minh chứng làm việc nhóm.		Đánh giá phần hình thức của các file báo cáo (20%)	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4 As3, As4, As5	100%
		Đánh giá phần nội dung của bản báo cáo, sự am hiểu nội dung học phần (50%)	Ks1, Ks2, Ks3 Ss1, Ss2, Ss3 As1, As2, As3, As4	
		Đánh giá phần trình bày (thuyết trình) trước lớp (30%): Đánh giá kỹ năng trình bày trước đám đông và kỹ năng sử dụng công cụ hỗ trợ Đánh giá được khả năng tương tác giữa các sinh viên và với giảng viên	Ks1, Ks2, Ks3 Ss1, Ss2, Ss3, Ss4 As1, As2, As3, As4, As5	
3. Kiểm tra GIỮA KỲ (Tỷ trọng trong học		Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên, diễn giải một vấn	Ss1, Ss2, Ss3, Ss4 As3, As4, As5	100%

<p>phần: 30%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ 45 phút sẽ kiểm tra các kiến thức từ chương 1 đến chương 9, cấu trúc gồm 3 câu:</p> <p>1. 2 câu hỏi các kiến thức từ chương 1 đến chương 8 và 1 câu phân tích tình huống.</p>	<p>đề cụ thể đặt ra của các câu hỏi có trong đề thi.</p>		
	<p>Đánh giá khả năng tư duy hệ thống, lập luận chặt chẽ giải quyết vấn đề thực tế được đưa ra trong đề thi.</p>	<p>Ks1, Ks4 Ss1, Ss4 As1, As2, As3, As4</p>	
	<p>Đánh giá khả năng tích lũy, phản hồi các kiến thức mới vào trong việc giải quyết các vấn đề được đưa ra.</p>	<p>Ks1, Ks4 Ss1, Ss2, Ss3, Ss4 As1, As2, As3, As4, As5</p>	

ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ (TỶ TRỌNG TRONG HỌC PHẦN: 70%)

1	<p>Phần trắc nghiệm (24 câu, 40 phút)</p> <p>14 câu phân đầu thầu và 10 câu phân hợp đồng. Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm</p>	<p>Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên</p>	<p>Ks1, Ks2, Ks3, Ks4 Ss1, Ss2 As4, As5</p>	60%
2	<p>Phần tự luận (2 câu, 20 phút)</p> <p>01 câu phân đầu thầu và 01 câu phân hợp đồng</p> <p>Nội dung thi là những phần đã tương tác trong thuyết trình nhóm</p>	<p>Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên</p> <p>Đánh giá kỹ năng trình bày, tư duy logic và vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề</p>	<p>Ks1, Ks2, Ks3, Ks4 Ss3, Ss4 As4, As5</p>	40%
	Tổng			100%

Trưởng Khoa

Đã ký

TS. Huỳnh Thị Thu Sương

P. Trưởng Bộ môn

Đã ký

TS. Trần Văn Hưng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1. Tên học phần: THỰC TẬP CUỐI KHÓA

Tên tiếng Anh: Internship - Mã học phần: 010969

Số tín chỉ (lên lớp/thực hành/tự nghiên cứu): 3

- Áp dụng cho ngành/chuyên ngành đào tạo: QTDA

+ Bậc đào tạo: Đại học Ngành Quản trị kinh doanh – Chuyên ngành QTDA (Đại trà)

+ Hình thức đào tạo: Chính qui

+ Yêu cầu của học phần: (Bắt buộc/Tự chọn): bắt buộc

1.2. Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Khoa QTKD/BM.QTKDTH

1.3. Mô tả học phần:

- Mô tả học phần:

Thực tập cuối khóa là học phần vận dụng những kiến thức lý luận đã được học tại Khoa Quản trị kinh doanh, trường ĐH Tài chính – Marketing để phân tích, kiểm chứng và phát hiện các vấn đề thực tế. Đồng thời, qua đó cũng nâng cao khả năng tư duy, lý luận, phản biện đối với một vấn đề khoa học quản lý, kinh doanh; là cơ sở để tập dượt các kỹ năng nghiên cứu, làm việc độc lập khi ra trường. Thực tập cuối khóa là cơ hội giúp sinh viên nhận diện vấn đề tại thực tế doanh nghiệp và đề xuất biện pháp ứng phó hoặc giải quyết vấn đề giúp cải thiện hoặc nâng cao hiệu quả hoạt động tại doanh nghiệp. Và thông qua thực tập cuối khóa, sinh viên tiếp cận môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp.

1.4 Các điều kiện tham gia học phần:

- Các học phần học trước: đã học các học phần trong chương trình đào tạo.

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

MỤC TIÊU	
Mục tiêu kiến thức	Hệ thống hóa khung lý thuyết.
	Khái quát nội dung của hoạt động quản trị của tổ chức.
	Phân tích được năng lực của tổ chức.

	Phân tích kết quả hoạt động của tổ chức: doanh thu, lợi nhuận, thị phần,...
	Phân tích được hiện trạng thực hiện các hoạt động quản trị của tổ chức.
	Đánh giá hoạt động quản trị của tổ chức.
Mục tiêu kỹ năng	Nhận diện những vấn đề trong hoạt động quản trị cụ thể của tổ chức.
	Đề xuất được các kiến nghị, giải pháp cho những tồn tại của 1 doanh nghiệp trong và ngoài nước, doanh nghiệp với nhiều loại hình sở hữu và quy mô khác nhau, đơn vị hành chính – sự nghiệp (từ đây gọi là tổ chức) theo kiến thức lý thuyết và khả năng phân tích, vận dụng, sáng tạo của bản thân.
	Tác nghiệp trong môi trường thực tế, hoàn thiện các kỹ năng: kỹ năng hòa nhập với môi trường mới, năng lực quản lý thời gian, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc độc lập,...
Mục tiêu thái độ	-Chuyên nghiệp trong quá trình thực tế tại doanh nghiệp: thời gian thực tập, thái độ, tác phong thực tập, giao tiếp,..

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu		Chuẩn đầu ra học phần	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
Kiến thức (K)	Ks1	Thiết kế khung cơ sở luận cho nội dung nghiên cứu.	K5,K6, K7, K8,K9,K10
	Ks2	Mô tả nội dung nghiên cứu	
	Ks3	Mô tả các khía cạnh, các chỉ tiêu, các tiêu chí đo lường/ đánh giá	

	Ks4	Mô tả phương pháp dùng đo lường/đánh giá	
	Ks5	Mô tả công cụ dùng đo lường/đánh giá	
Kỹ năng (S)	Ss1	Đo lường, đánh giá các chỉ tiêu, các tiêu chí	S1,S2,S3,S4,S5,S6,S7,S8
	Ss2	Phân tích, nhận xét	
	Ss3	Kết hợp sử dụng được các công cụ đề xuất phương án giải quyết vấn đề, cải tiến hoạt động.	
Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	As1	Cảm thụ được mối quan hệ tương hỗ giữa giá trị bản thân và chủ động trong thực tập.	A1,A3, A4,A6,A7
	As2	Chủ động nghiên cứu, học và vận dụng kiến thức để nhận diện và xử lý vấn đề tại thực tế doanh nghiệp	
	As3	Cảm thụ được mối quan hệ giữa giá trị của việc thực tập đối với nghề nghiệp sau này.	

4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC PHẦN

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Tỷ trọng, Điểm tối đa
ĐIỂM QUÁ TRÌNH (GVHD ĐÁNH GIÁ)	40%
1. Tuân thủ qui định của Trường, của Khoa và Giảng viên hướng dẫn	20
2. Thực hiện tiến độ thực tập cuối khóa và viết báo cáo	20
3. Năng lực nghiên cứu: năng lực chọn đề tài, đề xuất hướng nghiên cứu, thiết kế nội dung nghiên cứu,..	40
4. Văn hóa ứng xử, đạo đức tác phong và thái độ của sinh viên trong quá trình thực tập cuối khóa.	20
TỔNG	100
ĐIỂM BÁO CÁO (GVHD VÀ GVPB CHẤM ĐỌC LẬP)	60%

1. Hình thức (format đúng qui định, trình bày đúng mẫu qui định, không có lỗi chính tả, số trang trong khoảng cho phép, đóng cuốn theo qui định)	10
2. Bố cục hợp lý, Trình bày dễ hiểu, văn phong chính chu	10
3. Phương pháp nghiên cứu và công cụ phân tích phù hợp	10
4. Thông tin, dữ liệu (rõ ràng, toàn diện, cập nhật)	25
5. Phân tích, đánh giá và nhận diện được vấn đề thực tiễn	25
6. Giải pháp đề xuất có tính thực tiễn, sáng tạo và phù hợp	20
TỔNG	100
ĐIỂM TỔNG KẾT	100%

**Ban Giám hiệu
Duyệt**

**Trưởng khoa
Đã ký
TS. Huỳnh Thị Thu Sương**

**P. Trưởng bộ môn
Đã ký
TS. Trần Văn Hưng**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần: THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP 2

Tên tiếng Anh: Practicum 2

- Mã học phần: 010252 Số tín chỉ: 2 tín chỉ

- Áp dụng cho ngành/chuyên ngành đào tạo: QTDA
 - + Bachelor: Đại học (chương trình Đại trà)
 - + Hình thức đào tạo: Chính quy
 - + Yêu cầu của học phần: Bắt buộc

1.2 Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:

- Khoa phụ trách học phần: Khoa QTKD
- Bộ môn phụ trách học phần: BM QTKDTH

1.3 Mô tả học phần:

- Mô tả học phần:

Thực hành nghề nghiệp lần 2 (THNN2) là một học phần bắt buộc trong qui trình đào tạo cử nhân đại học ngành Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Tài chính – Marketing, nhằm thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. THNN2 nhằm giúp SV có khả năng vận dụng lý thuyết quản trị để đánh giá, phân tích các lĩnh vực hoạt động quản trị cụ thể trong một doanh nghiệp như quản trị nhân sự, quản trị vận hành, quản trị marketing, quản trị bán hàng, quản trị tài chính, quản trị dự án...từ đó đưa ra nhận xét và đề xuất những ý kiến cá nhân về các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị từng lĩnh vực của doanh nghiệp.

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: Thời gian THNN2 theo phân bổ của P.QLĐT nhà trường

1.4 Các điều kiện tham gia học phần:

- Các học phần học trước: Quản trị chiến lược, QT Nhân sự
- Các học phần học song hành:

- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Yêu cầu sinh viên có kiến thức căn bản về quản trị

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

2.1 Mục tiêu chung

Học phần THNN2 nhằm giúp SV có khả năng vận dụng lý thuyết quản trị để đánh giá, phân tích các lĩnh vực hoạt động quản trị cụ thể trong một doanh nghiệp như quản trị nhân sự, quản trị sản xuất, quản trị marketing, quản trị bán hàng, quản trị tài chính, quản trị dự án... từ đó đưa ra nhận xét và đề xuất những ý kiến cá nhân về các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị từng lĩnh vực của doanh nghiệp.

2.2 Mục tiêu cụ thể

- Giúp sinh viên có cái nhìn trực quan về hoạt động sản xuất kinh doanh ở một doanh nghiệp

- Chiêm nghiệm việc ứng dụng các lý thuyết QTKD trong thực tiễn của các doanh nghiệp

- Rèn luyện kỹ năng quan sát, kỹ năng thu thập dữ liệu, kỹ năng viết và trình bày báo cáo thực tế của sinh viên

- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm và xây dựng ý thức hợp tác, kỹ năng xử lý các tình huống kinh doanh cho sinh viên.

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu		Chuẩn đầu ra học phần	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
Kiến thức	Ks1	Khảo sát, phân tích làm rõ thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của DN thực hành.	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT về mặt “ <i>kiến thức chuyên ngành</i> ” của chuyên ngành QTKDTH: K5, K6, K7, K8, K9
	Ks2	Khảo sát, phân tích được thực trạng các mảng quản trị tại doanh nghiệp (nhân lực, marketing, bán hàng, sản xuất, tài chính, dự án...)	
	Ks3	Đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị của doanh nghiệp.	
Kỹ năng	Ss1	Đạt được kỹ năng thu thập, xử lý, phân tích, tổng hợp các thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT về mặt “ <i>kỹ năng chuyên môn</i> ” của chuyên ngành QTDA: S1, S2, S3, S4, S5, S7
	Ss2	Đạt được kỹ năng giải quyết vấn đề nghiên cứu	

	Ss3	Đạt được kỹ năng viết, trình bày, bảo vệ vấn đề nghiên cứu	
	Ss4	Sử dụng thành thạo các công cụ tin học, phần mềm để giải quyết vấn đề nghiên cứu	
Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	As1	Nghiêm túc thực hiện qui định của Trường Đại học Tài Chính - Marketing và Khoa QTKD về thời gian, tiến độ thực hiện các công việc THNN2 và viết báo cáo	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT về mặt “ <i>năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm</i> ” của chuyên ngành QTDA: A1, A3, A4, A6, A7
	As2	Tuân thủ nghiêm các quy định, nội qui của tổ chức, doanh nghiệp - nơi sinh viên THNN2	
	As3	Trong giao tiếp tại nơi THNN2, cần giữ thái độ khiêm tốn, cầu thị; thể hiện tác phong của một trí thức được đào tạo trong một môi trường văn minh	
	As4	Chấp hành đúng những chỉ dẫn và kế hoạch làm việc của GVHD, tuân thủ sự hướng dẫn của cán bộ nơi cơ quan THNN2 được phân công phụ trách	
	As5	Phát huy tính năng động, sáng tạo, tinh thần độc lập, tinh thần cầu thị trong quá trình THNN2	
	As6	Đề cao lòng tự trọng, tính trung thực, trong quá trình THNN2.	

3.2 Ma trận liên kết nội dung của học phần với chuẩn đầu ra của học phần

TT	Nội dung	Chuẩn đầu ra môn học		
		Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
1	SV hoặc các nhóm SV tìm cơ quan THNN2, chọn chủ đề THNN2, thiết kế đề cương bản báo cáo, xây dựng kế hoạch triển khai			As1 As6
2	SV hoặc các nhóm SV triển khai khảo sát đơn vị THNN2, theo chủ đề đã chọn và viết báo cáo	Ks1 Ks2	Ss1 Ss2	As1 As2

TT	Nội dung	Chuẩn đầu ra môn học		
		Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
		Ks3	Ss3 Ss4	As3 As4 As5 As6
3	SV hoặc các nhóm SV nộp bản thảo báo cáo (cá nhân và nhóm). Giảng viên hướng dẫn sinh viên hoàn thiện nội dung và chỉnh sửa về hình thức bản báo cáo theo qui định			As1 As4 As6
4	SV hoặc các nhóm SV nộp báo cáo chính thức THNN2			As1 As4 As6

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Thực hành tại DN	Tự học, tự nghiên cứu			
Tuần: Tiết	Phổ biến kế hoạch làm THNN2 và phân công giáo viên hướng dẫn. Khoa cấp phát giấy giới thiệu cho sinh				X		Đọc sổ tay hướng dẫn THNN2 của khoa ban hành	Khoa

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Thực hành tại DN	Tự học, tự nghiên cứu			
	viên							
Tuần: Tiết	SV và các nhóm SV tìm cơ quan THNN2, chọn chủ đề THNN2, thiết kế đề cương bản báo cáo, xây dựng kế hoạch triển khai			X	X		Đọc sổ tay hướng dẫn THNN2 của khoa ban hành và sách, giáo trình, bài báo chuyên ngành	SV
Tuần: Tiết	SV & Các nhóm sinh viên triển khai khảo sát đơn vị THNN2, theo chủ đề đã chọn và viết báo cáo			X	X		Đọc sổ tay hướng dẫn THNN2 của khoa ban hành và sách, giáo trình, bài báo chuyên ngành và các báo cáo tại DN	SV, GV
Tuần: Tiết	SV & các nhóm sinh viên nộp			X	X		Đọc sổ tay hướng dẫn THNN2	SV, GV

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Thực hành tại DN	Tự học, tự nghiên cứu			
	bản thảo báo cáo. GVHD sinh viên hoàn thiện nội dung và chỉnh sửa về hình thức bản báo cáo theo qui định						của khoa ban hành	
Tuần: Tiết	SV & các nhóm sinh viên nộp báo cáo chính thức THNN2				X		Đọc sổ tay hướng dẫn THNN2 của khoa ban hành	SV

5. HỌC LIỆU

5.1 Tài liệu chính:

1. Sách, giáo trình chuyên ngành phù hợp với vấn đề nghiên cứu
2. Sổ tay THNN2 do khoa QTKD ban hành

5.2 Tài liệu tham khảo:

1. Các tài liệu tại DN thực tập.
2. Các bài báo chuyên ngành phù hợp với vấn đề nghiên cứu.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Tỷ trọng, Điểm tối đa
6.1 ĐIỂM QUÁ TRÌNH (GVHD ĐÁNH GIÁ)	40%

1. Chuyên cần	30
2. Thái độ	30
3. Năng lực	40
TỔNG	100
6.2 ĐIỂM BÁO CÁO (GVHD VÀ GVPB CHẤM ĐỘC LẬP)	60%
1. Nội dung	50
2. Bố cục	25
3. Hình thức	25
TỔNG	100
ĐIỂM TỔNG KẾT	100%

Kết quả THNN2 của sinh viên được đánh giá theo thang điểm 10, điểm đạt kết quả THNN2 của sinh viên là điểm 5 trở lên

a/ GVHD chấm điểm quá trình cho sinh viên.

b/ Bài báo cáo (chiếm 60% điểm) gồm 2 phần (2 cột điểm) trong đó bài cá nhân chiếm tỷ trọng 50% điểm và bài nhóm 50% điểm. Kết quả của báo cáo thực hành nghề nghiệp 2 được tính là trung bình chung của điểm cá nhân và điểm nhóm.

c) Thư ký khoa tổng hợp điểm, lập bảng thống kê và trình Trưởng khoa ký duyệt kết quả báo cáo thực hành nghề nghiệp 2 trước khi nộp về phòng khảo thí và đảm bảo chất lượng.

Ban Giám hiệu Duyệt

Trưởng khoa

P. Trưởng bộ môn

Đã ký

Đã ký

TS. Huỳnh Thị Thu Sương

TS. Trần Văn Hưng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1. Tên học phần: QUẢN LÝ DỰ ÁN XÂY DỰNG

Tên tiếng Anh: Construction Project Management

- Mã học phần: 010810 Số tín chỉ: 3

- Áp dụng cho ngành/chuyên ngành đào tạo:

+ Bachelor: Đại học

+ Hình thức đào tạo: Chính quy

+ Yêu cầu của học phần: (Bắt buộc/Tự chọn) Bắt buộc

1.2. Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Khoa QTKD – BM quản trị chuyên ngành

1.3. Mô tả học phần:

- Mô tả học phần: Học phần Quản trị dự án xây dựng nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của chuyên ngành đào tạo Quản trị Dự án. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức trong công tác phân tích, tổ chức, hoạch định và quản lý một dự án xây dựng theo quan điểm của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn và nhà thầu xây dựng từ giai đoạn đầu tiên hình thành ý tưởng của dự án cho đến khi kết thúc dự án nhằm hoàn thành được mục tiêu của dự án trong giới hạn về thời gian và ngân sách. Học phần trình bày các nguyên tắc và trình tự cơ bản để hình thành một hệ thống điều hành dự án xây dựng từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến giai đoạn kết thúc dự án.

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 30

+ Làm bài tập trên lớp/Thảo luận: 15

+ Tự học: 90

1.4 Các điều kiện tham gia học phần:

- Các học phần học trước: (tối đa 2 môn) Quản trị dự án, Quản trị dự án nâng cao

- Các học phần học song hành:

- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): [Các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ cần có khi tham gia khóa học]

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết:

+ Làm bài tập trên lớp:

+ Thảo luận:

+ Tự học:

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu		Chuẩn đầu ra học phần	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
Kiến thức	Ks1	Có kiến thức tổng quát về dự án và quản lý một dự án xây dựng	K6, K7, K8, K9.
	Ks2	Biết các phương pháp xác định chi phí đầu tư của dự án xây dựng	
	Ks3	Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch một dự án xây dựng	
	Ks4	Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc và phương pháp tổ chức thực hiện một dự án xây dựng	
	Ks5	Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc và phương pháp thực hiện kiểm soát một dự án xây dựng	
Kỹ năng	Ss1	Nắm được các kỹ thuật, công cụ để SV có thể Lập Kế hoạch và Quản lý một dự án xây dựng	S4, S5, S6, S7
	Ss2	Kỹ năng tổ chức, phối hợp, tương tác, điều phối, làm việc hiệu quả trong Ban QLDA xây dựng	
	Ss3	Phát triển được kỹ năng lập kế hoạch thực hiện một dự án, kỹ năng kiểm soát chi phí, kiểm soát tiến độ thực hiện của dự án.	
	Ss4	Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp bằng lời nói và thuyết trình, kỹ năng quản lý dự án	
Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	As1	Suy nghĩ độc lập, tham gia làm việc nhóm và có thể trình bày trước đám đông các quan điểm của mình	A3, A4, A5, A6, A7
	As2	Tích cực chủ động học tập, nghiên cứu, có ý thức tổ chức kỷ luật	
	As3	Có thái độ khách quan khi đánh giá dự án	

	As4	Có thái độ chủ động lên kế hoạch và tổ chức thực hiện và kiểm soát công việc	
--	------------	--	--

3.2 Ma trận liên kết nội dung của học phần với chuẩn đầu ra của học phần

TT	Nội dung	Chuẩn đầu ra môn học		
		Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
1	CHƯƠNG 1: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ DỰ ÁN XÂY DỰNG	K s1	S s1 S s2	A s1
2	CHƯƠNG 2: HÌNH THÀNH DỰ ÁN	K s1 K s2	S s2	A s1 A s2 A s3
3	CHƯƠNG 3: XÁC ĐỊNH KINH PHÍ ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN	K s1 K s2	S s1 S s2	A s1 A s2
4	CHƯƠNG 4: HOẠCH ĐỊNH DỰ ÁN	K s1 K s3	S s1 S s2	A s1
5	CHƯƠNG 5: THEO DÕI VÀ KIỂM SOÁT DỰ ÁN	K s1 K s3	S s1 S s2	A s1 A s3
6	CHƯƠNG 6: GIAI ĐOẠN THI CÔNG XÂY DỰNG	K s1 K s3	S s1 S s2	A s1 A s3
7	CHƯƠNG 7: HOÀN THÀNH DỰ ÁN	K s1 K s3	S s1	A s1 A s3
8	CHƯƠNG 8: YẾU TỐ CON NGƯỜI TRONG QUẢN LÝ DỰ ÁN	K s1 K s3	S s1	A s1 A s3

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

TT	NỘI DUNG	Hình thức tổ chức giảng dạy (Lý thuyết/Bài tập/Thực hành/Thảo luận/Thí nghiệm)	Hình thức tổ chức học (Lý thuyết/Bài tập/Thực hành/Thảo luận/Thí nghiệm)	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp

1	<p>CHƯƠNG 1: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ DỰ ÁN XÂY DỰNG</p> <p>1.1 Định nghĩa dự án và DA xây dựng 1.2 Trách nhiệm của các bên tham gia dự án 1.3 Mục đích của công tác QLDA 1.4 Các chức năng của công tác QLDA 1.5 Vai trò của chủ nhiệm DA</p>	<p>Thuyết giảng Nêu vấn đề</p>		<p>- Tài liệu tham khảo 1: Chương 1</p>
	<p>CHƯƠNG 2: HÌNH THÀNH DỰ ÁN</p> <p>2.1 Các phương thức quản lý DA XD 2.2 Các hình thức hợp đồng trong DA XD 2.3 Các giai đoạn của DA</p>	<p>Thuyết giảng Nêu vấn đề Nêu tình huống (case studies)</p>	<p>Thảo luận trên tình huống (case studies)</p>	<p>Tài liệu tham khảo 1: Chương 2</p>
	<p>CHƯƠNG 3: XÁC ĐỊNH KINH PHÍ ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN</p> <p>3.1 Chi phí xây dựng công trình theo các giai đoạn của DA vốn ngân sách 3.2 Phương pháp xác định chi phí đầu tư DA 3.3 Chi phí thiết kế 3.4 Giá thầu thi công và Hợp đồng thi công XD</p>	<p>Thuyết giảng Hoạt động nhóm</p>	<p>Thảo luận Làm bài tập nhóm</p>	<p>Tài liệu tham khảo 1: Chương 3</p>
	<p>CHƯƠNG 4: HOẠCH ĐỊNH DỰ ÁN</p> <p>4.1 Xác định mục tiêu của DA 4.2 Cơ cấu tổ chức 4.3 Cơ cấu phân chia công việc 4.4 Thành lập BQL DA 4.5 Hợp khởi động dự án 4.6 Các hạng mục công việc cụ thể</p>	<p>Thuyết giảng Hoạt động nhóm</p>	<p>Thảo luận Thực hành lập WBS và lập kế hoạch thực hiện dự án</p>	<p>- Tài liệu tham khảo 1: Chương 4</p>

	4.6 Kế hoạch làm việc			
	CHƯƠNG V. THEO DÕI VÀ KIỂM SOÁT DỰ ÁN 5.1 Hệ thống kiểm soát 5.2 Chu trình lập KH, theo dõi và kiểm soát dự án 5.3 Liên kết cơ cấu phân chia công việc (WBS) và mã hóa hệ thống công việc 5.4 Phương pháp và công cụ kiểm soát DA	Thuyết giảng Hoạt động nhóm	Thảo luận Làm bài tập nhóm	Tài liệu tham khảo 1: Chương 6
	CHƯƠNG VI. GIAI ĐOẠN THI CÔNG XÂY DỰNG 6.1 Tầm quan trọng của thi công XD 6.2 Các điều kiện trong thi công XD 6.3 Rà soát quá trình đấu thầu 6.4 Rà soát các nhiệm vụ trong giai đoạn thi công 6.5 Kiểm tra chất lượng 6.6 Giải quyết tranh chấp 6.7 An toàn lao động 6.8 Quản lý các phát sinh thay đổi 6.9 Quản lý tài nguyên	Thuyết giảng Hoạt động nhóm	Thảo luận Làm bài tập nhóm	- Tài liệu tham khảo 1: Chương 7
	CHƯƠNG 7. HOÀN THÀNH DỰ ÁN 7.1 Hệ thống kiểm tra chất lượng và vận hành thử 7.2 Nghiệm thu 7.3 Bảo hành 7.4 Giải chấp 7.5 Bản vẽ hoàn công 7.6 Sắp xếp hồ sơ dự án 7.7 Tổng kết sau dự án	Thuyết giảng Nêu tình huống (case studies)		- Tài liệu tham khảo 1: Chương 8
	CHƯƠNG 8: YẾU TỐ CON NGƯỜI TRONG QUẢN LÝ DỰ ÁN 8.1 Yếu tố con người và sự thành công của DA	Nêu tình huống (case studies) Bài tập nhóm	Thảo luận trên tình huống (case studies) Làm bài tập	- Tài liệu tham khảo 1: Chương 9

8.2 Cách thức phân công 8.3 Cách thức khích lệ tinh thần làm việc 8.4 Cách thức ra quyết định 8.5 Cách thức quản lý thời gian 8.6 Khả năng giao tiếp 8.7 Khả năng trình bày 8.8 Cách thức tổ chức các cuộc họp			
--	--	--	--

5. HỌC LIỆU

5.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

[1]. Đỗ Thị Xuân Lan, *Quản lý dự án xây dựng*, NXB ĐHQG TP. HCM, 2016

5.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

[2]. Gray, Clifford F. và Erik W. Larson, *Project Management: the Managerial process*, 2nd. ed., McGraw-Hill/Irwin, Singapore, 2003

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: 30%

STT	Nội dung đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ	Đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần
1	Điểm chuyên cần	Điểm danh; tham gia trao đổi, đóng góp trong lớp học	30%	As1, As2, As3, As4, As5
2	Bài tập nhóm	Làm bài nhóm và thuyết trình các chuyên đề	40%	Ks2, Ks3, Ks4, ks5, Ss1, Ss2, Ss3, As1, As2, As3
3	Kiểm tra giữa kỳ	Bài tập cá nhân	30%	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4, Ss1, Ss2, As1, As2, As3, As4
	Tổng		100%	

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: 60%

STT	Nội dung đánh giá	PP đánh giá	Tỷ lệ	Đáp ứng CDR học phần
1	Kiến thức	Thi tự luận	20%	Ks1, Ks2, Ss3, As2
2	Kỹ năng	Bài tập thực hành, bài tập tình huống	50%	Ks3, Ks4, Ks5
3	Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	Câu hỏi vận dụng	30%	As1, As3
	TỔNG		100%	

**Ban Giám hiệu
Duyệt**

**Trưởng khoa
Đã ký
TS. Huỳnh Thị Thu Sương**

**P. Trưởng bộ môn
Đã ký
TS. Trần Văn Hưng**

PHỤ LỤC`

(Kèm theo đề cương chi tiết học phần: *Quản trị dự án xây dựng*)

CHI TIẾT PHƯƠNG PHÁP VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

LOẠI HÌNH ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CHUẨN ĐÀU RA ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
ĐIỂM QUÁ TRÌNH: (TỈ TRỌNG 30%, gồm Bài tập nhóm và Bài kiểm tra giữa kỳ)			
1. Điểm chuyên cần <i>(Tỷ trọng trong học phần: 30%)</i> Điểm danh; tham gia trao đổi, đóng góp trong lớp học	Đánh giá sự chuyên cần trong học tập.	A2, A5	70%
	Đánh giá sự tích cực đóng góp tham gia xây dựng bài học.	A1, A3, A4	30%
2. Bài tập Nhóm (tỷ trọng trong học phần 40%) Mỗi nhóm được phân chia một đề tài cụ thể trong phạm vi môn học. Nhóm sẽ được phân công bốc thăm tình huống, và có một tuần để chuẩn bị bài phân tích của mình. Sau đó sẽ trình bày thuyết trình trước lớp. Mỗi nhóm có 15 phút để thuyết trình và 10 phút tương tác phản biện trước lớp. GV sẽ có điểm đánh giá chung của	Đánh giá sự am hiểu nội dung học phần của sinh viên. Sử dụng được công cụ phân tích đánh giá, phân loại tầm ảnh hưởng và mức độ can dự của đối tác lên dự án. Đánh giá được kỹ năng lập luận, viết báo cáo và thuyết trình báo cáo về kế hoạch quản lý giao tiếp.	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4; Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, As1, As2, As3, As4, As5	40%
	Đánh giá kỹ năng trình bày trước đám đông, kỹ năng trình bày trên file power point, kỹ năng vận dụng các công cụ hỗ trợ để chuyển tải nội dung môn học.	Ks1, Ks2, Ks3, Ks4; Ss1, Ss2, Ss3, Ss4, As1, As2, As3	20%

<p>nhóm và điểm cho từng cá nhân tham gia nhóm. Mỗi nhóm có tối đa 5 sinh viên và tối thiểu 3 sinh viên. Nhóm nộp bài bằng file word cho GV và trình bày thuyết trình bằng power point.</p>	<p>Đánh giá được khả năng tương tác trực tiếp giữa sinh viên với nhau (vận dụng được các kỹ năng như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo, tổ chức công việc), kỹ năng giao tiếp với đám đông và với giảng viên nhằm củng cố kiến thức, đón nhận những phát hiện mới với tinh thần cầu thị.</p>	<p>Ks1, Ks2, Ks3, Ks4; Ss1, Ss2,Ss3,Ss4, As1, As2,As3</p>	<p>20%</p>
	<p>Đánh giá được tri thức của sinh viên từ quá trình chuẩn bị, các kỹ năng chuyên môn và tố chất cá nhân được phối hợp. Kỹ năng nghiệp vụ pháp ký, quản lý hồ sơ các đối tác, định hướng chiến lược quản lý sự kỳ vọng của đối tác đối với dự án.</p>	<p>Ks1, Ks2, Ks3, Ks4; Ss1, Ss2,Ss3,Ss4, As1, As2,As3</p>	<p>20%</p>
<p>3. Kiểm tra Giữa kỳ (tỷ trọng trong học phần 30%) Kiểm tra giữa kỳ 75 phút sẽ kiểm tra các kiến thức từ chương 1 đến chương 5 cấu trúc gồm 2 phần :</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30 câu trắc nghiệm. Mỗi câu 0,2 điểm. - Phần 2: Đưa ra một tình huống và có 2 câu hỏi phân tích tình huống. Mỗi câu 2 điểm. 	<p>Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên diễn giải các tình huống được đưa ra trong bài kiểm tra.</p>	<p>Ks1, Ks2, Ks3, Ks4; Ss1, Ss2,Ss3,Ss4, As3,As4,As5</p>	<p>30%</p>
	<p>Đánh giá khả năng tư duy hệ thống, lập luận chặt chẽ, giải quyết vấn đề thực tế được đưa ra trong bài kiểm tra.</p>	<p>Ks1, Ks2, Ks3, Ks4; Ss1, Ss2,Ss3,Ss4, As3,As4,As5</p>	<p>30%</p>
	<p>Đánh giá khả năng tích lũy, phản hồi các kiến thức đã học vào trong giải quyết các vấn đề được đưa ra</p>	<p>Ks1, Ks2, Ks3, Ks4; Ss1, Ss2,Ss3,Ss4, As4,As5</p>	<p>10%</p>
	<p>Đánh giá được năng lực cá nhân trong việc thu thập và phân tích các thông tin, đánh giá năng lực vận dụng kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo trong từng tình huống thực tiễn.</p>	<p>Ks1, Ks2, Ks3, Ks4; Ss1, Ss2,Ss3,Ss4, As4,As5</p>	<p>30%</p>

ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ: (TỈ TRỌNG 70%)			
<p>BÀI THI TỰ LUẬN (tỷ trọng trong học phần 70%)</p> <p>Bài thi 60 phút, bao gồm 3 câu hỏi bao gồm cả lý thuyết và cả vận dụng tình huống thực tế.</p> <p>Nội dung đề thi là một trong những phần đã tương tác trong thuyết trình nhóm về nội dung môn học</p>	<p>Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên, khả năng hệ thống hóa và áp dụng kiến thức để trình bày, diễn giải các vấn đề chuyên môn trong quản lý dự án xây dựng.</p>	<p>Ks1, Ks2, Ks3, Ks4; As4, As5.</p>	<p>30%</p>
	<p>Đánh giá kỹ năng tư duy logic, lập luận chặt chẽ, kết hợp giữa lý thuyết với thực tế để diễn giải một vấn đề của môn học.</p>	<p>Ss2, Ss3, Ss4; As4, As5</p>	<p>20%</p>
	<p>Đánh giá kỹ năng, khả năng sáng tạo, phát hiện vấn đề trong quản trị dự án trong bài tập thực tế. Nắm bắt và sử dụng được các công cụ phân tích đánh giá, phân loại rủi ro và mức độ rủi ro trong quản lý dự án xây dựng</p>	<p>Ks3, Ks4; Ss2; As4, As5</p>	<p>40%</p>
	<p>Đánh giá khả năng trình bày một bài viết bằng văn phong hàn lâm, sáng tạo, vận dụng kiến thức sâu rộng để giải quyết vấn đề.</p>	<p>Ss3; As4, As5</p>	<p>10%</p>

TRƯỞNG KHOA

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

Đã ký

Đã ký

TS. Huỳnh Thị Thu Sương

TS. Trần Văn Hưng